

Số/No: 122 /XNK-CBTT

An Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2026  
An Giang, 03 March 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

**1. Tên tổ chức/Organization name: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG  
AN GIANG IMPORT EXPORT COMPANY**

- Mã chứng khoán/Stock code: **AGM**
- Địa chỉ/Address: Số 01, Ngõ Gia Tự, Khóm 1, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang  
No. 01 Ngo Gia Tu, Hamlet 1, Long Xuyen Ward, An Giang Province
- Điện thoại/Phone: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
- E-mail: info@angimex.com

**2. Nội dung thông tin công bố/Information disclosure content:**

- Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán/The audited separate Financial Statements for 2025.
- Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán/The audited consolidated Financial Statements for 2025.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận năm 2025 so với Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán/Explanation of the variance between the profit in 2025 and the audited profit in 2024.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận trước và sau kiểm toán/Explanation of the variance between profit before audit and profit after audit.

Giải trình về ý kiến của Công ty kiểm toán/Explanation of the auditor's opinion.

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày /03/2026 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn/>This information was published on the website of An Giang Import Export Company on March ....., 2025 at: <http://www.angimex.com.vn>.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Báo cáo Tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán/The audited separate Financial Statements for 2025;
- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán/The audited consolidated Financial Statements for 2025;

3. Công văn số:121/XNK-TCKT ngày 12/03/2026 về việc: (1) Giải trình chênh lệch Lợi nhuận năm 2025 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán.(2) Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và (3) Giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán/*Official Letter No.: .../XNK-TCKT dated .../03/2026 regarding: (1) Explanation of the variance between the audited profit in 2025 and the audited profit in 2024;(2) Explanation of the variance between profit before audit and after audit; and (3) Explanation of the auditor's opinion.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
CHỦ TỊCH HĐQT  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/*As above;*
- Lưu/Filed at: VT/Archives, Người được UQ CBTT/*Person Authorized to Disclose Information.*



**LƯƠNG ĐỨC TÂM**



Member of MSI Global Alliance

**AN GIANG IMPORT-EXPORT COMPANY**

**AUDITED SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS**  
**For the year ended on December 31st, 2025**



**SOUTHERN AUDITING & ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD.**  
**MEMBER OF MSI GLOBAL ALLIANCE**

29 Vo Thi Sau Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City - Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

## **INDEX**

<b>Contents</b>	<b>Page(s)</b>
<b>REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT</b>	02 - 04
<b>INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT</b>	05 - 06
<b>AUDITED SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS</b>	
- Separate Balance Sheet	07 - 10
- Separate Income Statement	11 - 11
- Separate Cash Flow Statement	12 - 13
- Notes to the Separate Financial Statement	14 - 44

117  
ONG  
TNHI  
VUT  
INH  
KIEM  
PHIA  
T.P

## REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Board of Management of An Giang Import-Export Company (the "Company") presents their report and the Company's Separate Financial Statements for the year ended on December 31st, 2025.

### I. THE COMPANY

#### 1. Ownership structure

An Giang Import-Export Company ("the Company"), formerly known as An Giang Foreign Trade Company, was established under Decision No. 73/QĐ-76 issued by the People's Committee of An Giang province on July 23rd, 1976. The company was approved to be converted into a joint-stock company under Decision No. 1385/QĐ-CTUB dated May 12th, 2005 of the People's Committee of An Giang province and officially transformed into a joint-stock company under the Business license No. 5203000083 dated December 27th, 2007 and the Business Registration Certificate No. 1600230737, first issued on December 27th, 2007, and amended for the 33rd time on January 26th, 2026.

Chartered capital (in the Business Registration Certificate) : 182.000.000.000 VND

Contributed capital as at December 31st, 2025 : 182.000.000.000 VND

Head quarter: No. 01 Ngo Gia Tu Street, Hamlet 1, Long Xuyen Ward, An Giang Province.

**2. Operating industry:** Produce and Trade.

#### 3. Principal activities

According to the Business Registration Certificate, the main business lines of the Company are as follows:

- Milling paddy rice and producing coarse flour;
- Polishing rice and exporting rice;
- Trading in grains/cereals and food products;
- Trading in motorcycles and their spare parts;
- Manufacturing fertilizers and trading in agricultural chemicals.

#### 4. Business structure

Name	Address	Rate of benefit		Voting right ratio	
		Closing balance	Opening balance	Closing balance	Opening balance
<b>Subsidiaries:</b>					
<i>Angimex Food Processing One Member Co., Ltd</i>	<i>Plot number 55, map sheet 19, Vinh Gia Commune, An Giang Province</i>	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
<i>Angimex Food Co., Ltd</i>	<i>National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
<i>Angimex Dinh Thanh One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)</i>	<i>Group 8, Hoa Thoi Hamlet, Dinh My Commune, An Giang Province</i>	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
<i>Dong Thap Food Processing One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)</i>	<i>DT852 Road, Tan Lap Hamlet, Sa Dec Ward, Dong Thap Province</i>	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
<b>Associates:</b>					
<i>Angimex - Kitoku Co., Ltd</i>	<i>National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	32,96%	32,96%	32,96%	32,96%
<i>Golden Paddy Joint Stock Company</i>	<i>Phu Hoa 2 Hamlet, Binh Hoa Commune, An Giang Province</i>	29,55%	29,55%	29,55%	29,55%

<i>Louis Angimex Trading Co., Ltd</i>	<i>14 Nguyen Van Vinh Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City</i>	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
<i>Angimex Furious Co., Ltd</i>	<i>No. 26 Tran Hung Dao Street, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
<i>Angimex Food Joint Stock Company</i>	<i>National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	60,00%	0,00%	45,00%	0,00%

**Jointly ventures:** none

**Dependent units without legal status:** none

## II. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

Board of Management states : there have been no significant events occurring after the Balance sheet date, which would require adjustments or disclosures to be made in the Separate Financial Statements.

## III. BOARD OF DIRECTORS, AUDIT COMMITTEE, BOARD OF MANAGEMENT, AND LEGAL REPRESENTATIVE

### Board of Directors

\* Year 2025 (term 2021–2025), the term ends during the Annual General Meeting of Shareholders on December 22nd, 2025.

Mr.	Luong Duc Tam	Chairman	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Le Tien Thinh	Chairman	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Pham Huu Giao	Vice Chairman	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Trung Ha	Member	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Huynh Thanh Tung	Member	Appointed on October 18th, 2025
Mr.	Chu Van Dung	Independent Board Member	
Mr.	Do Minh Duc	Member	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Doan Manh Hieu	Member	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Huu Phu	Member	Dismissed on October 18th, 2025

### \* Term 2026 -2030

Mr.	Luong Duc Tam	Chairman	Appointed on December 22nd, 2025
Mr.	Nguyen Trung Ha	Member	Appointed on December 22nd, 2025
Mr.	Huynh Thanh Tung	Member	Appointed on December 22nd, 2025
Ms	Tran Thi Cam Cham	Member	Appointed on December 22nd, 2025
Mr.	Chu Van Dung	Independent Board Member	Appointed on December 22nd, 2025

### Audit Committee

Mr.	Chu Van Dung	Chairman of the Audit Committee	
Mr.	Do Minh Duc	Member	Dismissed on October 18th, 2025
Mr.	Nguyen Trung Ha	Member	Appointed on October 18th, 2025
			Dismissed on December 22nd, 2025
Ms	Tran Thi Cam Cham	Member	Appointed on December 29th, 2025

### Board of Management

Mr.	Luong Duc Tam	General Director	Dismissed on April 21st, 2025
Mr.	Nguyen Hoang Tien	General Director	Appointed on April 23rd, 2025
			Dismissed on October 20th, 2025
Mr.	Huynh Thanh Tung	General Director	Appointed on October 20th, 2025
Mr.	Pham Huu Giao	Deputy General Director	Appointed on October 21st, 2025
Mr.	Nguyen Minh Tuan	Deputy General Director	Appointed on November 13th, 2025
			Dismissed on January 6th, 2026

### Chief Accountant

Ms	Tran Thi Cam Cham	Dismissed on May 5th, 2025
----	-------------------	----------------------------

Mr. Nguyen Nhat Tan

Appointed on May 5th, 2025

Dismissed on October 21st, 2025

Mr. Tran Minh Trong

Appointed on October 21st, 2025

**Legal representative**

Mr. Luong Duc Tam

According to the above list, no one in the Board of Directors, Audit Committee and the Board of Management use their authorised power in management and operation of the Company to obtain any benefits other than the standard benefits from holding shares as other shareholders.

**IV. AUDITORS**

Southern Accounting and Auditing Financial Consulting Services Co., Ltd. (AASCS) was appointed to perform the audit of the Interim Separate Financial Statements of the Company.

**V. DISCLOSURE RESPONSIBILITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT FOR SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS**

The Company's Board of Management is responsible for preparing the Separate Financial Statements which give a true and fair view of the financial position, operation results and cash flows statement of the Company for the year ended on December 31st, 2025. In preparing these Separate Financial Statements, Board of Management commit to comply with the following requirements:

- Develop and maintain internal controls that the Board of Directors and the Board of Management determine as necessary to ensure that the preparation and presentation of Separate Financial Statements no longer contains material misstatements due to fraud or due mistake;
- Selecting suitable accounting policies and then applying them consistently;
- Making reasonable and prudent judgments and estimates;
- Prepare the financial statements on the basis of compliance with accounting standards and system and other related regulations;
- Prepare the Separate Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

Company's Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept to disclose the financial position of the Company, with reasonable accuracy at any time, and ensuring that the Separate Financial Statements comply with the current regulations of the State. At the same time, Board of Management is also responsible for ensuring the safety the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of any frauds and other violations.

We, the Board of Management, confirm that the Separate Financial Statements give a true and fair view of financial position December 31st, 2025, its separate operation results and separate cash flows for the fiscal year 2025 of the Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standard, Vietnamese Enterprise Accounting System and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the financial statements.

**VI. APPROVAL OF SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS**

We, Board of Management of An Giang Import-Export Company approve Separate Financial Statement for the year ended on December 31st, 2025.

Prepared on March 04th, 2026

For and on behalf of the Board of  
Directors



**Luong Duc Tam**  
Chairman

For and on behalf of the  
Board of Management



**Huynh Thanh Tung**  
General Director

No: ...088.../BCKT-TC/2026/AASCS

## INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: Shareholders, Board of Directors, and Board of Management**  
**AN GIANG IMPORT-EXPORT COMPANY**

### Report on the Separate Financial Statements

We have audited the accompanying separate financial statements of An Giang Import-Export Company, prepared on March 04th, 2026, as set out on page 07 to 44, which comprise the Separate Balance Sheet as at December 31st, 2025, Separate Income Statement, Separate Cash flows Statement for the fiscal year then ended and Notes to the Separate Financial Statements.

### The Board of Management's responsibilities

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the financial statements, and for such internal controls that the Board of Management determines is necessary to enable the preparation and presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### Auditor's responsibilities

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirement, plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessment, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our qualified audit opinion.

### Basis for Qualified Opinion

As at the date of this report, the following balances of accounts receivable/payable have not been confirmed:

Trade receivables :	138.286.788.242 VND
Advances to suppliers :	43.486.713.532 VND
Other receivables :	6.967.211.765 VND
Trade payables :	9.032.119.795 VND
Advances from customers :	3.820.505.451 VND
Other payables :	21.895.930.255 VND
Deposits received :	418.733.802 VND

## Qualified Opinion

In our opinion, except for the effects of the matters described in the "Basis for Qualified Opinion" paragraph, the separate financial statements present fairly, in all material respects, the separate financial position of An Giang Import-Export Company as at December 31st, 2025, its separate financial performance and its separate cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the accounting regime for enterprises and legal regulations relating to separate financial reporting.

## Emphasis of Matters

We draw attention to Note VIII.3 "Information on going-concern assumption" in the financial statements, which states that the accumulated losses as at December 31st, 2025 amounted to 621.303.650.076 VND exceeding the owners' contributed capital and owners' equity; the total liabilities exceeded total assets by 493.303.650.076 VND, indicating that the Company may be at risk of bankruptcy; short-term liabilities exceeded current assets by 1.108.955.643.653 VND, meaning that the Company's ability to settle short-term liabilities is not assured. These conditions, together with other matters described in Note VIII.3, indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. Nevertheless, the Company's Board of Management believes in the positive operating results in the foreseeable future, supported by financial assistance from creditors. Accordingly, the Company's financial statements have been prepared and presented by the Board of Management on a going concern basis.

- As disclosed in Note V.13 to the financial statements, the Company has bank loans that are overdue for more than one year, amounting to 271.450.032.818 VND as presented in the financial statements. To date, the Company has not obtained sufficient financing to repay these overdue amounts on schedule.

- Also in Note V.13, the Company has long-term obligations that have become due and are overdue for more than one year, comprising finance lease liabilities of 25.363.106.790 VND and bonds payable of 560.001.000.000 VND. The Company has not yet arranged adequate financing to settle these overdue long-term debts on time.

- As disclosed in Note V.18, the Company has accrued interest expenses that are overdue for more than one year, including bank loan interest of 23.284.331.414 VND, finance lease interest of 4.238.831.427 VND and bond interest of 214.609.272.814 VND. The Company has not yet secured the necessary financing to settle these overdue interest payables on schedule.

## Other matter

The separate financial statements of the Company for the financial year 2024 were audited by an independent auditor from another audit firm, signed on March 25th, 2025. The auditor expressed an unmodified opinion with an emphasis of matter paragraph regarding accounts trade receivable, advances to suppliers, overdue bonds payable, the operating status of Company's subsidiaries, and the Company's ability to continue as a going concern.

**Southern Accounting and Auditing Financial  
Consulting Services Co., Ltd. (AASCS)**

**Deputy General Director**



**Nguyen Thi Tuyet**

Practicing Auditor Registration  
Certificate No.: 0624-2023-142-1

*Ho Chi Minh City, March 04th, 2026*

**Auditor**

**Vo Thi My Huong**

Practicing Auditor Registration  
Certificate No.: 0858-2023-142-1

**SEPARATE BALANCE SHEET**

As at December 31st, 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
<b>A. SHORT-TERM ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>125.005.412.137</b>	<b>108.243.362.223</b>
<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	V.1	<b>6.678.960.799</b>	<b>3.562.302.555</b>
Cash	111		4.136.518.833	1.091.604.518
Cash equivalents	112		2.542.441.966	2.470.698.037
<b>II. Short-term investments</b>	<b>120</b>			
Trading securities	121			
Provisions for devaluation of trading securities	122			
Held to maturity investments	123			
<b>III. Short-term receivables</b>	<b>130</b>		<b>116.890.716.896</b>	<b>102.105.358.651</b>
Short-term trade receivables	131	V.2	141.428.131.889	146.470.630.474
Short-term advances to suppliers	132	V.3	83.139.423.406	59.330.988.266
Short-term intra-company receivables	133			
Receivables under schedule of construction contract	134			
Short-term loan receivables	135	V.5	1.700.000.000	3.280.000.000
Other short-term receivables	136	V.6	7.919.202.209	9.786.560.011
Short-term provisions for doubtful debts	137	V.7	(117.296.040.608)	(116.762.820.100)
Shortage of assets awaiting resolution	139			
<b>IV. Inventories</b>	<b>140</b>	V.8	<b>171.720.948</b>	<b>209.570.142</b>
Inventories	141		5.248.157.603	5.315.427.193
Provisions for devaluation of inventories	149		(5.076.436.655)	(5.105.857.051)
<b>V. Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>1.264.013.494</b>	<b>2.366.130.875</b>
Short-term prepaid expenses	151	V.14	18.043.109	60.103.336
Deductible VAT	152		1.245.970.385	2.306.027.539
Taxes and other receivables from State budget	153	V.17		
Government bonds purchased for resale	154			
Other current assets	155			

011729  
CÔNG TY  
TINH  
KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
T.P.HỒ

**SEPARATE BALANCE SHEET**

As at December 31st, 2025

Unit: VNL

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
<b>B. LONG-TERM ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>678.647.545.514</b>	<b>761.221.587.48</b>
<b>I. Long-term receivables</b>	<b>210</b>		<b>193.041.016.890</b>	<b>193.041.016.890</b>
Long-term trade receivables	211			
Long-term advances to suppliers	212	V.3	193.040.016.890	193.040.016.890
Working capital provided to sub-units	213			
Long-term intra-company receivables	214			
Long-term loan receivables	215			
Other long-term receivables	216		1.000.000	1.000.000
Long-term provisions for doubtful debts	219			
<b>II. Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>274.657.447.878</b>	<b>289.196.840.95</b>
Tangible fixed assets	221	V.10	72.202.432.718	79.215.499.161
- Historical costs	222		233.484.414.554	242.117.655.460
- Accumulated depreciation	223		(161.281.981.836)	(162.902.156.299)
Finance lease fixed assets	224	V.12	71.010.604.788	76.889.385.312
- Historical costs	225		91.045.137.627	91.045.137.627
- Accumulated depreciation	226		(20.034.532.839)	(14.155.752.315)
Intangible fixed assets	227	V.11	131.444.410.372	133.091.956.480
- Historical costs	228		141.071.751.006	141.071.751.006
- Accumulated ammortisation	229		(9.627.340.634)	(7.979.794.526)
<b>III. Investment properties</b>	<b>230</b>			
- Historical costs	231			
- Accumulated depreciation	232			
<b>IV. Long-term assets in progress</b>	<b>240</b>	V.9	<b>1.117.000.000</b>	<b>1.117.000.000</b>
Long-term work in progress	241			
Construction in progress	242		1.117.000.000	1.117.000.000
<b>V. Long-term investments</b>	<b>250</b>	V.4	<b>206.986.746.413</b>	<b>274.474.844.237</b>
Investments in subsidiaries	251		401.919.608.849	502.270.043.246
Investments in joint ventures and associates	252		164.786.398.000	104.576.148.000
Investments in other entities	253		19.950.000	6.455.750.000
Provisions for long-term investments	254		(359.739.210.436)	(338.827.097.009)
Held to maturity investments	255			
<b>VI. Other long-term assets</b>	<b>260</b>		<b>2.845.334.333</b>	<b>3.391.885.405</b>
Long-term prepaid expenses	261	V.14	2.845.334.333	3.391.885.405
Deferred income tax assets	262			
Long-term equipment and spare parts for	263			
Other long-term assets	268			
<b>TOTAL ASSETS (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>803.652.957.651</b>	<b>869.464.949.708</b>

**SEPARATE BALANCE SHEET**

As at December 31st, 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
<b>C. LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>1.242.956.607.727</b>	<b>1.178.696.265.356</b>
<b>I. Short-term liabilities</b>	<b>310</b>		<b>1.233.961.055.790</b>	<b>1.165.900.914.391</b>
Short-term trade payables	311	V.15	65.619.743.589	88.484.596.447
Short-term advances from customers	312	V.16	6.440.431.926	6.111.437.334
Taxes and other payables to State	313	V.17	991.640.158	1.458.276.932
Payables to employees	314		364.539.564	283.983.410
Short-term accrued expenses	315	V.18	243.991.836.730	158.340.766.981
Short-term intra-company payables	316			
Payables under schedule of construction contract	317			
Short-term unearned revenues	318			
Other short-term payables	319	V.19	26.196.388.917	26.133.973.945
Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	V.13	885.190.834.273	879.250.538.705
Short-term provisions	321		1.814.166.141	1.915.166.141
Bonus and welfare fund	322		3.351.474.492	3.922.174.492
Price stabilization fund	323			
Government bonds purchased for resale	324			
<b>II. Long-term liabilities</b>	<b>330</b>		<b>8.995.551.937</b>	<b>12.795.350.965</b>
Long-term trade payables	331			
Long-term advances from customers	332			
Long-term accrued expenses	333			
Intra-company payables for operating capital	334			
Long-term intra-company payables	335			
Long-term unearned revenues	336			
Other long-term payables	337	V.19	928.733.802	720.200.000
Long-term borrowings and finance lease liabilities	338	V.13	8.066.818.135	12.075.150.965
Convertible bonds	339			
Preference shares	340			
Deferred income tax payables	341			
Long-term provisions	342			
Science and technology development fund	343			

**SEPARATE BALANCE SHEET**

As at December 31st, 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Closing balance	Opening balance
<b>D. OWNER'S EQUITY</b>	<b>400</b>		(439.303.650.076)	(309.231.315.648)
<b>I. Owner's equity</b>	<b>410</b>	V.20	(439.303.650.076)	(309.231.315.648)
Contributed capital	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Ordinary shares with voting rights	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Preference shares	411b			
Capital surplus	412			
Conversion options on convertible bonds	413			
Other capital	414			
Treasury shares	415			
Differences upon asset revaluation	416			
Exchange rate differences	417			
Development and investment funds	418			
Enterprise reorganization assistance fund	419			
Other equity funds	420			
Undistributed profit after tax	421		(621.303.650.076)	(491.231.315.648)
- Undistributed profit after tax brought forward	421a		(491.231.315.648)	(265.112.916.686)
- Undistributed profit after tax for the current	421b		(130.072.334.428)	(226.118.398.962)
Capital expenditure funds	422			
<b>II. Funding sources and other funds</b>	<b>430</b>			
Funding sources	431			
Funds used for fixed asset acquisition	432			
<b>TOTAL SOURCES (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>803.652.957.651</b>	<b>869.464.949.708</b>

Prepared on March 04th, 2026

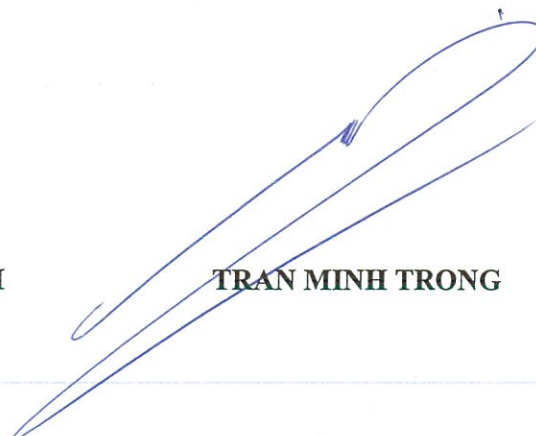
Prepared by

Chief Accountant

Chairman



LE HUYNH TUYET NHI



TRAN MINH TRONG



LUONG DUC TAM

## SEPARATE INCOME STATEMENT

Year 2025

Unit: VND

Item	Code	Note	Current year	Previous year
<b>Revenues from sales and services rendered</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>10.970.727.043</b>	<b>113.321.124.77</b>
Revenue deductions	02			
<b>Net revenues from sales and services rendered (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>10.970.727.043</b>	<b>113.321.124.77</b>
Costs of goods sold	11	VI.2	13.889.327.420	119.293.740.650
<b>Gross revenues from sales and services rendered (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(2.918.600.377)</b>	<b>(5.972.615.872)</b>
Financial income	21	VI.3	17.935.539.932	13.301.071.080
Financial expenses	22	VI.4	134.867.279.497	177.417.021.500
- In which: Interest expenses	23		86.386.359.910	88.096.760.884
Selling expenses	25	VI.7	274.625.463	3.550.796.330
General administration expenses	26	VI.7	9.054.527.166	66.948.046.021
<b>Net profits from operating activities {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(129.179.492.571)</b>	<b>(240.587.408.642)</b>
Other income	31	VI.5	1.577.601.912	15.170.829.059
Other expenses	32	VI.6	2.446.979.315	701.819.379
<b>Other profits (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(869.377.403)</b>	<b>14.469.009.680</b>
<b>Total net profit before tax (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(130.048.869.974)</b>	<b>(226.118.398.962)</b>
Current corporate income tax expenses	51	VI.9	23.464.454	
Deferred corporate income tax expenses	52			
<b>Profits after corporate income tax (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(130.072.334.428)</b>	<b>(226.118.398.962)</b>

Prepared on March 04th, 2026

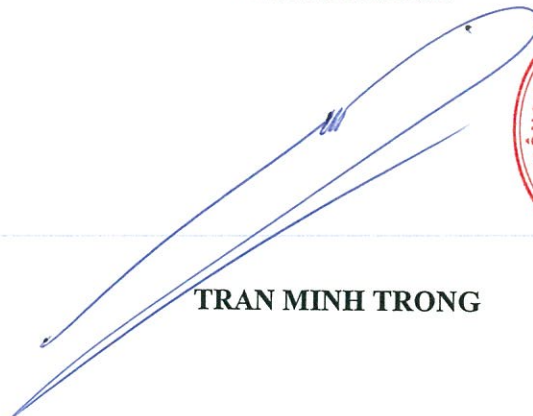
Prepared by

Chief Accountant

Chairman



LE HUYNH TUYET NHI



TRAN MINH TRONG



LUONG DUC TAM

## SEPARATE CASH FLOWS STATEMENT

(Under indirect method)

Year 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
<b>I. Cash flows from operating activities</b>				
<b>Profit before tax</b>	<b>01</b>		<b>(130.048.869.974)</b>	<b>(226.118.398.962)</b>
<b>Adjustments for</b>				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02		14.704.972.593	13.593.193.362
- Provisions	03		21.415.913.539	136.414.746.132
- (Gains) / losses of unrealized exchange rate difference due to revaluation of monetary items	04		1.150.130.918	839.313.882
- (Profits) / losses from investing activities	05		(18.426.371.522)	(27.043.011.402)
- Interest expenses	06		86.386.359.910	88.096.760.884
- Other adjustments	07			
<b>Operating profit before movements in working capital</b>	<b>08</b>		<b>(24.817.864.536)</b>	<b>(14.217.396.104)</b>
- (Increase) / decrease in receivables	09		(15.838.521.599)	(6.204.522.269)
- (Increase) / decrease in inventories	10		67.269.590	307.062.200
- Increase / (decrease) payables (exclusive of interest payables, enterprise income tax payables)	11		(16.104.175.622)	27.151.043.990
- (Increase) / decrease in prepaid expenses	12		588.611.299	1.597.452.609
- (Increase) / decrease in trading securities	13			
- Interest paid	14		(60.364.403)	(12.690.610.858)
- Corporate income tax paid	15			
- Other receipts from operating activities	16			3.303.027
- Other payments on operating activities	17		(570.700.000)	(537.465.137)
<b>Net cash flows from operating activities</b>	<b>20</b>		<b>(56.735.745.271)</b>	<b>(4.591.132.542)</b>
<b>II. Cash flows from investing activities</b>				
Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets	21		(170.000.000)	(27.312.710.466)
Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		502.309.984	30.492.878.380
Loans and purchase of debt instruments from other entities	23			(5.520.000.000)
Collection of loans and repurchase of debt instruments of other entities	24		1.580.000.000	12.768.400.000
Equity investments in other entities	25			
Proceeds from equity investment in other entities	26		63.307.288.427	17.504.600.000
Interest and dividend received	27		1.197.177.990	2.286.550.168
<b>Net cash flows from investing activities</b>	<b>30</b>		<b>66.416.776.401</b>	<b>30.219.718.082</b>

**SEPARATE CASH FLOWS STATEMENT***(Under indirect method)*

Year 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
<b>III. Cash flows from financing activities</b>				
Proceeds from issuance of shares and receipt of contributed capital	31			
Repayments of contributed capital and repurchase of stock issued	32			
Proceeds from borrowings	33		15.747.928.095	59.300.176.710
Repayment of principal	34		(22.316.466.825)	(79.043.965.718)
Repayment of financial leases principal	35			(7.017.841.105)
Dividends or profits paid to owners	36			
<b>Net cash flows from financing activities</b>	<b>40</b>		<b>(6.568.538.730)</b>	<b>(26.761.630.113)</b>
<b>Net cash flows during the year (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.112.492.400</b>	<b>(1.133.044.573)</b>
<b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>	<b>60</b>	V.1	<b>3.562.302.555</b>	<b>4.695.361.755</b>
Effect of changing foreign exchange rate	61		4.165.844	(14.627)
<b>Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	V.1	<b>6.678.960.799</b>	<b>3.562.302.555</b>

Prepared on March 04th, 2026

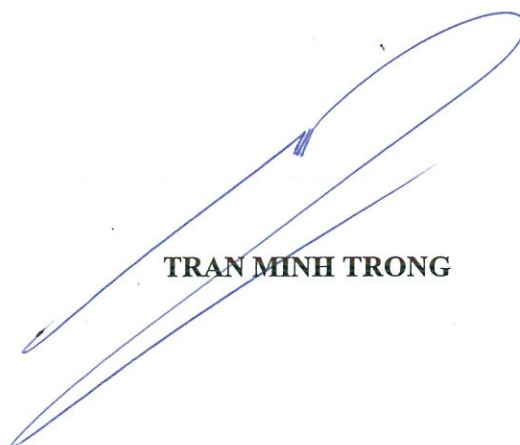
Prepared by

Chief Accountant

Chairman



LE HUYNH TUYET NHI



TRAN MINH TRONG




LUONG DUC TAM

**NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS**

Year 2025

**I. GENERAL OPERATION****1. Form of ownership**

An Giang Import-Export Company ("the Company"), formerly known as An Giang Foreign Trade Company, was established under Decision No. 73/QĐ-76 issued by the People's Committee of An Giang province on July 23rd, 1976. The company was approved to be converted into a joint-stock company under Decision No. 1385/QĐ-CTUB dated May 12th, 2005 of the People's Committee of An Giang province and officially transformed into a joint-stock company under the Business license No. 5203000083 dated December 27th, 2007 and the Business Registration Certificate No. 1600230737, first issued on December 27th, 2007, and amended for the 33rd time on January 26th, 2026.

Chartered capital (in the Business Registration Certificate) : 182.000.000.000 VND

Contributed capital as at December 31st, 2025 : 182.000.000.000 VND

Head quarter: No. 01 Ngo Gia Tu Street, Hamlet 1, Long Xuyen Ward, An Giang Province.

The total number of employees as at December 31st, 2025: 12.

**2. Business fields**

Produce and Trade.

**3. Business lines**

According to the Business Registration Certificate, the main business lines of the Company are as follows:

- Milling paddy rice and producing coarse flour;
- Polishing rice and exporting rice;
- Trading in grains/cereals and food products;
- Trading in motorcycles and their spare parts;
- Manufacturing fertilizers and trading in agricultural chemicals.

**4. Normal production and business cycle: 12 months****5. Characteristics of the business activities in the fiscal year that affect the financial statements**

None.

**6. Business structure**

Name	Address	Rate of benefit		Voting right ratio	
		Closing balance	Opening balance	Closing balance	Opening balance
<b>Subsidiaries:</b>					
<i>Angimex Food Processing One Member Co., Ltd</i>	<i>Plot number 55, map sheet 19, Vinh Gia Commune, An Giang Province</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>
<i>Angimex Food Co., Ltd</i>	<i>National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	<i>0,00%</i>	<i>100,00%</i>	<i>0,00%</i>	<i>100,00%</i>
<i>Angimex Dinh Thanh One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)</i>	<i>Group 8, Hoa Thoi Hamlet, Dinh My Commune, An Giang Province</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>
<i>Dong Thap Food Processing One Member Co., Ltd (Subsidiary company of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd)</i>	<i>DT852 Road, Tan Lap Hamlet, Sa Dec Ward, Dong Thap Province</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>	<i>100,00%</i>



**Associates:**

<i>Angimex - Kitoku Co., Ltd</i>	<i>National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	32,96%	32,96%	32,96%	32,96%
<i>Golden Paddy Joint Stock Company</i>	<i>Phu Hoa 2 Hamlet, Binh Hoa Commune, An Giang Province</i>	29,55%	29,55%	29,55%	29,55%
<i>Louis Angimex Trading Co., Ltd</i>	<i>14 Nguyen Van Vinh Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City</i>	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
<i>Angimex Furious Co., Ltd</i>	<i>No. 26 Tran Hung Dao Street, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
<i>Angimex Food Joint Stock Company</i>	<i>National Highway 91, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward, An Giang Province</i>	60,00%	0,00%	45,00%	0,00%

**Jointly ventures:** none

**Dependent units without legal status:** none

**II. ACCOUNTING PERIOD, CURRENCY UNIT USED IN ACCOUNTING****1. Accounting period**

Annual accounting period of Company is from 01st January to 31st December.

**2. Currency unit**

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND).

**III. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM****1. Accounting system**

The Company applies Enterprise Accounting System issued under the Circular No.200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 by Ministry of Finance as well as the circulars of the Ministry of Finance giving guidance on the implementation of the accounting standards and system.

**2. Declaration on compliance with Accounting Standards and Accounting System**

The Board of Management ensure to follow all the requirements of the current Vietnamese Accounting standards and Vietnamese Enterprise Accounting system issued under the Circular No.200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, the Circular No.53/2016/TT-BTC in year 2016 amending and supplementing Circular No. 200/2014/2014/TT-BTC as well as circulars guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in preparing financial statement.

**IV. ACCOUNTING POLICIES****1. Basis of preparation financial statements**

The separate financial statements are prepared on the basis of accrual accounting (except for information related to cash flows).

**2. Cash and cash equivalents**

Cash includes cash on hand, demand deposits, cash in transit and monetary gold. Cash equivalents are short-term investments (for a period not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amount of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.



### 3. Financial investment

Financial investment is the outside investments with purpose to use capital reasonably and improve efficiency of business operations such as investments in subsidiaries, joint ventures, associates, investment in securities and other financial investments ...

For the preparation of separate financial statements, the financial investment must be classified as bellows:

- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as long - term.

#### Investments in subsidiaries, associates

Subsidiaries are enterprises controlled by the Company. Control is achieved when the Company has the ability to control the financial and operating policies of the investee enterprise in order to obtain economic benefits from that enterprise's activities.

Investments in subsidiaries are recognized at cost. Dividends and profits of periods before the investment is purchased are accounted for as a decrease in the value of that investment itself. Dividends and profits of periods after the investment is purchased are recorded as revenue. Dividends received in shares are only tracked by the number of additional shares, the value of shares received is not recorded.

Provision for investments losses in subsidiaries are made when the subsidiary incurs a loss at a level equal to the difference between the actual capital contributions of the parties in the subsidiary and the actual equity multiplied by the capital contribution ratio of the Corporation/Enterprise compared to the total actual capital contribution of the parties at the subsidiary. If the subsidiary is the subject of preparation of the Consolidated Financial Statements, the basis for determining loss provisions is the Consolidated Financial Statements.

#### Loans

Loans are determined at cost less provisions for bad debts. Provision for bad debts of loans is established based on the expected level of loss that may occur.

#### Investments in other entities' equity instruments

Investments in other entities' equity instruments reflect equity instrument investments but the Company does not have control, co-control or significant influence over the investments.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at cost, which includes the purchase price or capital contribution plus direct costs related to investment activities. Dividends and profits of periods before the investment is purchased are accounted for as a decrease in the value of that investment itself. Dividends and profits of periods after the investment is purchased are recorded as revenue. Dividends received in shares are only tracked by the number of additional shares, the value of shares received is not recorded/recorded at par value.

### 4. Receivables

All receivables must be recorded detail by aging, by each client and in original currency if any and others details depending on the management request of the company.

The classification of receivables must be managed as bellows:

- Trade receivables: any receivable having from trading activities between the company and its clients: selling goods, providing service, disposal of assets, exported receivable of consigner through the consignee;
- Intra-company receivables: receivables between the company with its dependent branches;
- Other receivables: are non trade receivables and do not relate to trading activities.

For the preparation of separate financial statements, the receivables must be classified as bellows:

- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as long - term.

At the reporting date, the company reevaluates the receivables which have balance in foreign currency (except for advance to suppliers; if we have evidence that the supplier will not supply the good or provide the service and the company will receive back this advance in foreign currency, this advance will be treated as monetary item having foreign currency) at the buying price quoted by commercial bank which is trading with the company at the reporting date.

Provisions for bad debts: The bad debts are make provision at the balance sheet date. The provision or reversal is made at the reporting date and is recorded as management expense of the fiscal year. For the long-term bad debts in many years, the company tried to collect but cannot and there is evidence that the client has insolvency, the company may sell these long-term bad debts to debt collection company or write off (according to regulations and charter of the company).

## 5. Inventories

Inventories are stated at original cost. Where the net realizable value is lower than cost, inventories should be measured at the net realizable value.

The original cost of inventory is determined as follows:

- Raw materials and goods: includes purchasing costs and other directly related costs incurred to bring inventory to its current location and condition.
- Finished products: includes raw material costs, direct labor and related manufacturing overhead costs that are further allocated based on normal operating levels/land use rights costs, direct costs and Related general costs incurred during the investment and construction process of real estate products.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to sell them.

Cost of inventories are determined in accordance with method: weighted average.

Inventories are recorded in line with perpetual method.



## 6. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. Cost of a tangible fixed asset is the amount of all expenses paid by the Company to acquire an asset at the time the asset is put into operation for its intended use. The costs incurred after the initial recognition is only recorded an increase in the price of the fixed asset if these cost are sure to increase the economic benefits in the due to the use of that property. These costs do not satisfy the above conditions are recognized as an expense in the year.

When a fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain/(loss) arisen are posted into the income or the expenses during the year.

Depreciation method of tangible fixed assets: Tangible fixed assets are depreciated according to the straight line method based on the estimated useful time as follows:

- Buildings, structures	06 - 50	years
- Machines and equipment	05 - 25	years
- Means of transportations	06 - 15	years
- Office equipment	03 - 20	years

## 7. Finance lease fixed assets

Leases asset is classified as finance lease if mostly the risks and rewards associated with ownership of the asset are with the lessee. Finance lease fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The cost of a finance lease fixed asset is the lower of the fair value of the leased asset at the beginning of the lease agreement and the present value of the minimum lease payments. The discount rate used to calculate the present value of the minimum lease payment for the lease agreement is the interest rate implied in the lease agreement or the rate stated in the agreement. In case it is not possible to determine the implicit interest rate in the lease agreement, use the loan interest rate at the beginning of the lease.

Finance lease fixed asset are depreciated on a straight-line basis over their estimated useful time. In the unlikely event that the Company will acquire title to the assets at the end of the lease time, the fixed assets will be depreciated over the shorter of the lease time and the estimated useful time. Depreciation years/depreciation rate of finance lease fixed asset are as follows:

- Machines and equipment	15	years
--------------------------	----	-------

**8. Intangible fixed assets**

Intangible fixed assets are recorded at cost less accumulated depreciation.

The historical cost of intangible fixed assets includes all costs that the Company must spend to acquire the fixed asset up to the time the asset is put into a ready-to-use state. Costs related to intangible fixed assets that arise after initial recognition are recorded as production and business costs in the period unless these costs are associated with a specific intangible fixed asset. and increase economic benefits from these assets.

When intangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain/(loss) arisen are posted into the income or the expenses during the period.

The Company's intangible fixed assets include:

***Land use rights***

Land use rights are all actual expenses spent by the Company directly related to the land to be used, including: money spent to acquire land use rights, expenses for compensation and site clearance, ground leveling, registration fees...

Land use rights with indefinite are not depreciated.

Land use rights are the land rent that the Company pays once for many years and are granted a Land Use Right Certificate. The leased land use rights are depreciated over the land lease term (from 22 to 44 years).

***Computer software***

Costs related to computer software programs are not a component of the related hardware that is capitalized. The original cost of computer software is the total cost incurred by the Company up to the point of putting the software into use. Computer software is depreciated using the straight-line method over 5 to 8 years.

**9. Construction in progress**

Construction in progress reflect costs directly related to the construction of the factory and the installation of unfinished machinery and equipment and not yet installed. Assets in the process of construction in progress and installation are not depreciated.

**10. Prepaid expenses**

The calculation and allocation to expense to each accounting period based on the nature, level of each prepaid expense to determine the allocation method properly and consistently.

Prepaid expense is recorded separately: incurred, allocated amount to its cost center and carried amount.

Prepaid expense is classified as follows:

- Prepaid expense related to purchase or service not exceeding 12 months or 01 normal production period, from incurred date, are classified as short - term.
- Prepaid expense related to purchase or service exceeding 12 months or 01 normal production period, from incurred date, are classified as long - term.

**11. Payables and accrued expenses**

Payables and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future for goods and services received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of the amount payable.

The classification of trade payables, accrued expenses, Intra-company payables and other payables is done according to the following principles:

- Trade payables: any payable having from trading activities from purchase, using service, import though consigner;
- Accrued expenses reflect amounts payables for purchase, using service from suppliers or providing already by supplier but not yet paid due to lack of supporting documents and payables to employee are allowed to record to expense;
- Intra-company payables: payables between the company with its dependent branches;
- Other payables: are non trade payables and do not related to trading activities.

For the preparation of separate financial statements, the payables must be classified as bellows:

- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as long - term.



At the reporting date, the Company revaluates the payables denominated in foreign currency (except for advance from clients; if we have evidence that the supplier will not supply the good or provide the service and the company will receive back this advance in foreign currency, this advance will be treated as monetary item having foreign currency) at the selling price quoted by commercial bank which is trading with the Company at the reporting date.

## 12. Loans and finance lease liabilities

Loans in the form of issuance of bond or preference share with preferential terms required the issuer to repurchase at a certain time in the future shall not be reflected on this item.

Loans, debts should be monitored in detail for each entity, each contract and each type of loan assets. The financial lease liabilities are stated at present value of minimum lease payment or the fair value of the lease assets.

For the preparation of separate financial statements, the loans and finance lease liabilities must be classified as follows:

- Having maturity not exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as short - term.
- Having maturity exceeding 12 months or 01 normal production period are classified as long - term.

At the reporting date, the Company revaluates the loans and finance lease liabilities denominated in foreign currency at the selling price quoted by commercial bank which is trading with the Company at the reporting date.

## 13. Borrowing costs

Borrowing costs include loan interest and other costs incurred directly related to the loans.

Borrowing costs are recognized as an expense during the period. Where borrowing costs are directly related to the investment in construction or production of unfinished assets that require a sufficiently long period (more than 12 months), before they can be put into use for the predetermined purpose or sold. This borrowing cost is capitalized. For specific loans for the construction of fixed assets and investment real estate, interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months. Income arising from temporary investment of loans is recorded as a reduction in the historical cost of related fixed assets.

For general loans which are used for investment in construction or production of unfinished assets, the capitalized borrowing cost is determined to the capitalization rate to weighted average accumulated cost for the investment in capital construction or production of that asset. The capitalization rate is calculated using the weighted average interest rate on outstanding loans for the period, excluding separate loans for the purpose of forming a specific asset.

## 14. Capital

### *Contributed capital*

Capital contribution is stated at actually contributed capital of Company's shareholders.

## 15. Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after funds have been appropriated according to the Company's Charter as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to shareholders takes into account non-monetary items in undistributed after-tax profits that may affect cash flow and the ability to pay dividends such as interest due to asset revaluation. Contribute capital and profits due to revaluation of monetary items, financial instruments and other non-monetary items.

Dividends are recorded as liabilities when approved by the General Meeting of Shareholders.

172  
NGT  
NHH  
UTU  
HKÉ  
MTT  
NAI  
HC

**16. Revenue and income recognition***Revenue from sale of goods*

Revenue from sale of goods should be recognised when all the following conditions have been satisfied:

- The significant risks and rewards of ownership of the goods have been transferred to the buyer;
- The Company retains neither continuing managerial involvement as a neither owner nor effective control over the goods sold;
- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract prescribes that the buyer is entitled to return the service purchased under specific conditions, the enterprise may record revenue only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the service provided (except where the customer has the right to return the goods in exchange for other goods or services);
- The economic benefits associated with the transaction of goods sold have flown or will flow to the Company;
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction of goods sold can be measured reliably.

*Revenue from rendering of services*

Revenue from rendering of services is recognized when the outcome of that transaction can be determined reliably. In case the service is performed in many periods, the revenue recognized in the period is based on the results of the work completed at the end of the accounting period. Revenue from rendering of services should be recognised when all the following conditions have been satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract prescribes that the buyer is entitled to return the service purchased under specific conditions, the enterprise may record revenue only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the service provided;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the entity;
- The stage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably;
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

*Interest*

Interest is recognized on an accrual basis, determined on the balance of deposit accounts and the actual interest rate each year.

*Other income*

Other income includes income other than the company's production and business activities: sale and liquidation of fixed assets; fines due to customers' breach of contract; compensation from third parties to compensate for lost assets; revenue from bad debts that have been written off; debts payable with unidentified owners; income from gifts in cash or in kind...

**17. Costs of goods sold**

Cost of good sold includes cost of finished goods, trade goods, services, property, construction unit sold in the production period and expense related to real estate activities...

Damaged or lost value is allowed to record to cost of goods sold after deduction of compensation (if any).

For the used material over the normal production capacity, labor and general production cost is not allowed to record to production cost but allowed to record to cost of good sold after deduction of compensation (if any), even these finished goods are not sold.

**18. Financial expenses**

Items recorded into financial expenses consist of: expense or loss related to financial investment; lending and borrowing expense; expense related to investment to joint venture, associates; loss from share transfer; provision of share decrease or investment; loss on trading foreign currency, ...

**19. Selling and general administration expenses**

Selling expense is recorded in the period of selling finished goods, trade goods and providing service.

Administrative expense reflects the general expense of the company, including: labor cost; social and health insurance, unemployment fund, union cost of management employee; office material expense, tools, depreciation of assets using for management; land rental, business licence tax; bad debt provision; outsourcing expense and other cash expenses...

## 20. Foreign currency transactions

Transactions arising in foreign currencies are converted at the exchange rate at the date of the transaction. The balance of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period are converted at the exchange rate on that date.

Exchange rate differences arising during the period from transactions in foreign currencies are recorded in financial income or financial expenses. Exchange rate differences due to revaluation of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period after clearing the increase and decrease difference are recorded in financial income or financial expenses.

The exchange rate used to convert transactions arising in foreign currency is the actual exchange rate at the time the transaction occurred. Actual exchange rates for transactions in foreign currencies are determined as follows:

- Actual exchange rate when buying and selling foreign currencies (spot foreign exchange forward contract, future contract, option contracts, swap contract): to apply exchange rate which is concluded in contract signed between Company and commercial banks;

- If the contract does not stipulate the payment rate:

- + For capital contribution: to apply buying rate of the bank where the Company open the capital bank account;
- + For receivables: to apply buying rate of the bank where the Company assigned customers to make payment at the time of incurred transactions;
- + For payables: to apply selling rate of the bank where the Company expects the transactions at the time of incurred transactions;
- + For purchases of assets or expenses to be paid immediately in foreign currency (not through the payables account): to apply buying rate of the bank where the Company made payments.

The exchange rate used to re-evaluate the balance of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period is determined according to the following principles:

- For foreign currency deposits in banks: the Company's Bank's foreign currency buying rate is regularly traded.
- For monetary items denominated in foreign currencies classified as other assets: the Company's Bank's foreign currency buying rate is regularly traded.
- For monetary items denominated in foreign currencies classified as liabilities: the Company's Bank's foreign currency selling rate is regularly traded.

## 21. Corporate income taxes

### *Current corporate income tax*

Current income tax is calculated based on taxable income and tax rate for the year. Taxable income is different from accounting profit presented on the Income Statement due to adjustments to non-taxable income or non-deductible expenses and losses carried forward.

The company is responsible to pay corporate income tax at the rate of 20% on taxable income.

The tax reports of the Company will be inspected by the Tax department. Since the different about application of the laws and regulations on tax can be interpreted by many ways; therefore, the tax amounts presented on the financial statements can be changed in accordance with the Tax Department's final decision.

## 22. Related parties

The party is considered as related party if one party has capacity to control or has significant impact to other party in the decision of financial and operation activities. All parties are recognized as related parties if having the same control or significant impact.

In the review of related parties, nature of the relationship is considered more than legal form.

**23. Segment reporting**

Business field department: A distinguishable part of an enterprise that is participated in the production process or provision of an individual product or service, a group of related products or services in which this department is subject to risks and benefit of economic different from other business departments.

Geographical area department: A distinguishable part of an enterprise that is participated in the production process or provision of products or services within a particular economic environment in which this department may be subject to risks and benefit of economic different from business departments in other economic environments.

**24. Financial instruments**

Basis of Circular No. 75/2015/TT-BTC dated May 18th 2015 of the Ministry of Finance, before accounting standards for financial instruments and the guiding documents were issued, the Board of Management of the Company decided not presented and notes about financial instruments in accordance with Circular No. 210/2009/TT-BTC of separate financial statements of the company.



## V . ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE SEPARATE BALANCE SHEET

Unit: VND

## 1 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
- Cash on hand	388.887	323.366
- Cash in banks	4.136.129.946	1.091.281.152
+ Cash in banks (VND)	3.940.605.309	939.870.833
+ Cash in banks (USD)	195.524.637	151.410.319
+ Cash in banks (EUR)		
- Cash in transit		
- Cash equivalents	2.542.441.966	2.470.698.037
<b>Total</b>	<b><u>6.678.960.799</u></b>	<b><u>3.562.302.555</u></b>

## 2 . TRADE RECEIVABLES

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<b>2.1. Short-term</b>	<b>137.015.424.736</b>	<b>145.618.866.521</b>
APC Holdings Joint Stock Company	42.138.512.882	59.378.512.882
Dung Ky Trading Company Limited	19.924.000.000	19.924.000.000
Khanh Tay Do Co., Ltd (*)	17.000.000.000	17.000.000.000
Hateco Group Co., Ltd	24.100.000.000	24.100.000.000
Golden Paddy SG Joint Stock Company	23.054.500.000	23.054.500.000
Others	10.798.411.854	2.161.853.639
<b>2.2. Trade receivables from related parties</b>	<b>4.412.707.153</b>	<b>851.763.953</b>
Angimex Furious Co., Ltd	1.921.763.953	851.763.953
Angimex Dinh Thanh One Member Co., Ltd	231.000.000	
Mr. Huynh Thanh Tung	1.129.971.600	
Ms Tran Thi Cam Cham	1.129.971.600	
<b>Total</b>	<b><u>141.428.131.889</u></b>	<b><u>146.470.630.474</u></b>

**Notes:**

- (\*) The debt relates to the capital transfer agreement at Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO. On February 20th, 2023, the Company's Board of Directors issued Resolution No. 207/NQ-HĐQT approving the transfer of 100% of the capital contribution in Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO. On February 10th, 2023, the Company signed a contract to transfer 96% of the aforementioned capital contribution to Khanh Tay Do Co., Ltd. under Transfer Agreement No. 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. As of December 31st, 2023, Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO was no longer a subsidiary of An Giang Import-Export Company. However, as of December 31st, 2025, Khanh Tay Do Co., Ltd has not yet fulfilled the payment of the capital transfer amount as agreed in the above-mentioned contract, with the remaining outstanding amount of 17.000.000.000 VND, corresponding to 34% of the purchase price.

On January 8th, 2024, An Giang Import-Export Company filed a criminal complaint against Khanh Tay Do Co., Ltd with the Investigation Police Agency of Dong Thap Provincial Public Security. If Khanh Tay Do Co., Ltd still fails to pay its debt, the Company will recover its capital contribution in Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO equivalent to the uncollectible debt.

**3 . ADVANCES TO SUPPLIERS**

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<b>3.1. Short-term</b>	<b>42.969.633.715</b>	<b>36.898.363.483</b>
Louis Rice Long An Co., Ltd	36.169.390.000	36.169.390.000
Others	6.800.243.715	728.973.483
<b>3.2. Long-term</b>	<b>193.040.016.890</b>	<b>193.040.016.890</b>
Ms Huynh Thi Thuy Vy (*)	179.040.016.890	179.040.016.890
Mr. Lu Minh Si (**)	14.000.000.000	14.000.000.000
<b>3.3. Advances to related parties</b>	<b>40.169.789.691</b>	<b>22.432.624.783</b>
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	39.695.459.874	22.195.459.874
An Truong An Joint Stock Company	474.329.817	237.164.909
<b>Total</b>	<b><u>276.179.440.296</u></b>	<b><u>252.371.005.156</u></b>

**Notes:**

- (\*) Advance payment for the Deposit Agreement for the Transfer of Land Use Rights and Other Construction Works with Ms Huynh Thi Thuy Vy for six plots of land under Contract No. 01/2021/HDDC dated December 26th, 2021 and Contract Appendix No. 01/2022/HDDC/PL01 dated July 21st, 2022.

The Hoang Long factory in Dong Thap, under the management of Angimex Food Processing One Member Co., Ltd, located in An Ninh hamlet, Dinh An commune, Lap Vo district, Dong Thap province, is connected to the six plots of land and assets attached to them mentioned above and is currently being used by Angimex Food Processing Co., Ltd. for its production and business activities. An Giang Import-Export Company is in the process of completing the legal procedures to transfer ownership of the company according to Official Letter No. 531/STNMT-QLĐĐ dated February 14th, 2023, from the Department of Natural Resources and Environment of Dong Thap province.

- (\*\*) The advance payment for the land use rights transfer deposit contract for an area of 17,831 m2 at Plot No. 55, Map Sheet No. 19, Luong An Tra Commune, Tri Ton District, An Giang Province, with Mr. Lu Minh Si, as per the Agreement dated December 25th, 2021. This property is currently mortgaged at BIDV for a loan of the Company.

## 4 . FINANCIAL INVESTMENTS

## Equity investments in other entities

	Closing balance			Opening balance		
	Historical cost	Provision	Fair value	Historical cost	Provision	Fair value
<b>a. Investments in subsidiaries</b>	<b>401.919.608.849</b>	<b>270.006.256.249</b>	<b>131.913.352.600</b>	<b>502.270.043.246</b>	<b>281.437.889.187</b>	<b>220.832.154.059</b>
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	401.919.608.849	270.006.256.249	131.913.352.600	401.919.608.849	234.704.285.068	167.215.323.781
Angimex Food Co., Ltd (*)				100.350.434.397	46.733.604.119	53.616.830.278
<b>b. Investments in associates</b>	<b>164.786.398.000</b>	<b>89.713.004.187</b>	<b>75.073.393.813</b>	<b>104.576.148.000</b>	<b>57.369.257.822</b>	<b>47.206.890.178</b>
Angimex - Kitoku Co., Ltd	2.951.148.000		2.951.148.000	2.951.148.000		2.951.148.000
Golden Paddy Joint Stock Company	32.500.000.000	32.500.000.000		32.500.000.000	32.500.000.000	
Louis Angimex Trading Co., Ltd	9.800.000.000	9.800.000.000		9.800.000.000	9.800.000.000	
Angimex Furious Co., Ltd	59.325.000.000	16.807.964.079	42.517.035.921	59.325.000.000	15.069.257.822	44.255.742.178
Angimex Food Joint Stock Company (*)	60.210.250.000	30.605.040.108	29.605.209.892			
<b>c. Other long-term investments</b>	<b>19.950.000</b>	<b>19.950.000</b>		<b>6.455.750.000</b>	<b>19.950.000</b>	<b>6.435.800.000</b>
Dong Thap Agricultural Development Services LLC - DASCO				304.000.000		304.000.000
Saigon An Giang Trading LLC				6.131.800.000		6.131.800.000
Tan My Hung Agricultural Cooperative	19.950.000	19.950.000		19.950.000	19.950.000	
<b>Total</b>	<b>566.725.956.849</b>	<b>359.739.210.436</b>	<b>206.986.746.413</b>	<b>613.301.941.246</b>	<b>338.827.097.009</b>	<b>274.474.844.237</b>

Note:

(\*) In 2025, the Company restructured Angimex Food Co., Ltd, divesting its investment from 100% to 45% and transforming it into Angimex Food Joint Stock Company.

## 5. LOAN RECEIVABLES

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<b>Short-term</b>		
Le Phuc Khang Manufacturing Trading LLC (*)	1.700.000.000	1.700.000.000
Angimex High-Tech Agriculture Services One Member LLC		1.580.000.000
<b>Total</b>	<b><u>1.700.000.000</u></b>	<b><u>3.280.000.000</u></b>

**Note:**

According to loan agreement No. 01/HDTD/2022 dated January 11th, 2022, the loan term is 4 months, with an interest rate of 8% per year.

## 6. OTHER RECEIVABLES

	<u>Closing balance</u>		<u>Opening balance</u>	
	<u>Amount</u>	<u>Provision</u>	<u>Amount</u>	<u>Provision</u>
<b>Short-term</b>				
- Advances (*)	856.927.707		775.512.493	
- Short-term deposit				
- Other short-term receivables (**)	6.967.211.765	(407.947.368)	8.912.712.708	(407.947.368)
- Other payables	95.062.737		98.334.810	
<b>Total</b>	<b><u>7.919.202.209</u></b>	<b><u>(407.947.368)</u></b>	<b><u>9.786.560.011</u></b>	<b><u>(407.947.368)</u></b>

**Notes:**

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<b>(*) Advances as at December 31st, 2025 includes :</b>		
Mr. Nguyen Hoang Tien	44.709.734	
Ms Luong Dang Xuan	724.542.984	724.542.984
Others	87.674.989	50.969.509
<b>Total</b>	<b><u>856.927.707</u></b>	<b><u>775.512.493</u></b>

**(\*\*) Other short-term receivables as at December 31st, 2025 includes :**

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
VAT on Contributed Assets	5.363.636.364	5.363.636.364
MIC Thong Nhat Insurance Company	0	1.879.394.000
VietinBank Leasing Company Limited - Ho Chi Minh City Branch	1.117.989.223	1.117.989.223
An Giang Department of Taxation	31.849.737	31.849.737
Sa Dec City Civil Enforcement Agency	63.213.000	63.213.000
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	5.138.810	
Others	385.384.631	456.630.384
<b>Total</b>	<b><u>6.967.211.765</u></b>	<b><u>8.912.712.708</u></b>

## 7. DOUBTFUL DEBTS

	Closing balance		Opening balance	
	Historical cost	Recoverable value	Historical cost	Recoverable
- Total value of receivables, overdue debts or no overdue doubtful debts	122.467.040.608	5.171.000.000	122.467.040.608	5.704.220.508
<i>Details:</i>				
+ Trade receivables	85.818.703.240	5.100.000.000	85.818.703.240	5.633.220.508
+ Advances to suppliers	36.169.390.000		36.169.390.000	
+ Other receivables	478.947.368	71.000.000	478.947.368	71.000.000
- Information regarding penalties, receivables for late payment interest... generated from overdue obligations/debts but not recorded as revenue				
- Recoverability of overdue receivables				
<b>Total</b>	<b>122.467.040.608</b>	<b>5.171.000.000</b>	<b>122.467.040.608</b>	<b>5.704.220.508</b>

## 8. INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Historical cost	Provision	Historical cost	Provision
- Goods in transit				
- Raw materials	386.056.083	(351.575.352)	386.056.083	(351.575.352)
- Tools and supplies	4.858.962.297	(4.721.722.080)	4.895.459.580	(4.721.722.080)
- Working in process				
- Finished goods	3.139.223	(3.139.223)	33.911.530	(32.559.619)
- Goods				
- Consignments				
- Bonded warehouse goods				
<b>Total</b>	<b>5.248.157.603</b>	<b>(5.076.436.655)</b>	<b>5.315.427.193</b>	<b>(5.105.857.051)</b>

**Notes:**

- Value of unused or degraded inventories which are unsold at the end of fiscal year: 5.076.436.655 VND.

- Value of inventories put up as collateral to ensure liabilities at the end of fiscal year: none

## 9. LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS

	Closing balance	Opening balance
Purchase fixed assets		
Construction in progress (Conveyor bin system at Long Xuyen Factory, Da Phuoc Factory)	1.117.000.000	1.117.000.000
Major repair for fixed assets		
<b>Total</b>	<b>1.117.000.000</b>	<b>1.117.000.000</b>



## 11 . INCREASE AND DECREASE IN INTANGIBLE FIXED ASSETS

Items	Land use rights	Trademark	Copyright, patents	Computer software	License and franchise license	Other intangible fixed assets	Total
<b>Historical cost</b>							
Opening balance	140.114.253.006			957.498.000			141.071.751.006
<b>Increase</b>							
- Purchasing							
- Acquisitions from internal enterprise							
- Increase due to business combination							
- Other increases							
<b>Decrease</b>							
- Disposals							
- Other decreases							
Closing balance	140.114.253.006			957.498.000			141.071.751.006
<b>Accumulated ammortisation</b>							
Opening balance	7.239.866.332			739.928.194			7.979.794.526
<b>Increase</b>	1.584.843.552			62.702.556			1.647.546.108
- Depreciation	1.584.843.552			62.702.556			1.647.546.108
- Other increases							
<b>Decrease</b>							
- Disposals							
- Other decreases							
Closing balance	8.824.709.884			802.630.750			9.627.340.634
<b>Net book value</b>							
Opening balance	132.874.386.674			217.569.806			133.091.956.480
Closing balance	131.289.543.122			154.867.250			131.444.410.372

**Notes:**

- Net book value of intangible fixed assets that have been mortgaged or pledged to secure for loans: 12.147.526.058 VND
- The historical cost of intangible fixed assets which have been fully depreciated but are still in use at the end of fiscal year: 261.375.000 VND



## 12 . INCREASE AND DECREASE IN FINANCE LEASE FIXED ASSETS

Item	Buildings, structures	Machinery, equipment	Means of transportation	Other financial leasing fixed assets	Total
<b>Historical cost</b>					
<b>Opening balance</b>		91.045.137.627			91.045.137.627
<b>Increase</b>					
- Finance lease in the year					
- Other increases					
<b>Decrease</b>					
- Return of finance lease fixed assets					
- Repurchase of finance lease liabilities					
- Other decreases					
<b>Closing balance</b>		91.045.137.627			91.045.137.627
<b>Accumulated depreciation</b>					
<b>Opening balance</b>		14.155.752.315			14.155.752.315
<b>Increase</b>		5.878.780.524			5.878.780.524
- Depreciation		5.878.780.524			5.878.780.524
- Other increases					
<b>Decrease</b>					
- Return of finance lease fixed assets					
- Repurchase of finance lease liabilities					
- Other decreases					
<b>Closing balance</b>		20.034.532.839			20.034.532.839
<b>Net book value</b>					
<b>Opening balance</b>		76.889.385.312			76.889.385.312
<b>Closing balance</b>		71.010.604.788			71.010.604.788

**Notes:**

- Additional rent is recognized as expenses in the year : none
- Bases for determining additional rent : none
- Terms of lease extension or the right to purchase property : none

## 13 . BORROWINGS AND FINANCE LEASE LIABILITIES

## 13.1. Short-term

Object	Closing balance		Arising		Opening balance	
	Amount	Payable amount	Increase	Decrease	Amount	Payable amount
<b>a. Short-term borrowings</b>						
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac An Giang Branch (VND)	9.510.000.000	9.510.000.000		14.000.000.000	23.510.000.000	23.510.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac An Giang Branch (USD)	271.450.032.828	271.450.032.828	8.500.501.464	477.829.251	263.427.360.615	263.427.360.615
Personal loans - Company's Employee Phuc An Nong Trading and Service Co., Ltd	588.361.825	588.361.825	1.477.928.095	5.338.637.624	4.449.071.354	4.449.071.354
Angimex Food Joint Stock Company	14.270.000.000	14.270.000.000	14.270.000.000	2.499.999.950	2.499.999.950	2.499.999.950
<b>b. Current portion of long-term debt</b>						
Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city Branch	29.371.439.620	29.371.439.620	4.008.332.830		25.363.106.790	25.363.106.790
AGMH2123001 Bonds – Principal debt	350.000.000.000	350.000.000.000			350.000.000.000	350.000.000.000
AGMH2223001 Bonds – Principal debt	210.001.000.000	210.001.000.000			210.001.000.000	210.001.000.000
<b>Total</b>	<b>885.190.834.273</b>	<b>885.190.834.273</b>	<b>28.256.762.389</b>	<b>22.316.466.825</b>	<b>879.250.538.709</b>	<b>879.250.538.709</b>

## Details of loans and liabilities at the fiscal year ended as follows:

Number / date of loan Contract	Lenders	Loan term	Interest rate	Closing balance	Form of a loan guarantee
Credit limit agreement No. 01/2022/548402/HĐTD dated October 1st, 2022	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac An Giang Branch	Based on each Debt Agreement	Based on each Debt Agreement	9.510.000.000 271.450.032.828	Fixed assets are owned by the Company
	Personal loans - Company's Employee	Based on the each contract (under 12 months)	Based on the each contract (from 2% to 12%)	588.361.825	Unsecured loans
Loan Agreement No. 1203/2025/HĐVV dated March 12th, 2025	Angimex Food Joint Stock Company	6 months	12% / year	14.270.000.000	Unsecured loans



(\*\*) The bonds were issued based on Resolution No. 132/NQ-HĐQT dated February 3rd, 2022, of the Board of Directors of An Giang Import-Export Company

Type of bond	: Non-convertible, unwarrant, secured bonds
Release format	: Journal entry
Bond code	: AGMH2223001
Price	: 1.000.000 VND / bond
Number of bonds	: 300.000 bonds
Issue value	: 300.000.000.000 VND
Release date	: 14/03/2022
Date the offering is completed	: 06/04/2022
Maturity date	: 14/09/2023 - Extended to 14/09/2024
Purpose of issuing bonds	: Contributing capital to Angimex Food Processing One Member Co., Ltd aims to supplement working capital and enhance rice production and processing capacity
Interest rate	: 12% / year
Bond term	: 18 months
Interest calculation period	: Every 3 months
Issuance consulting unit	: Branch of Bao Viet Securities Joint Stock Company
Form of guarantee	: Land use rights and assets attached to the land are owned by individuals and legal entities other than the Company
Value of collateral at the time of issuance	: 337.151.684.219 VND
Actual bond disbursement time	: 14/03/2022
The situation regarding the use of capital raised from bond issuance	
Contributing capital to Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	: 300.000.000.000 VND
Bond principal repayment	: (89.999.000.000) VND

## 13.2. Long-term

Bank	Closing balance		Arising		Opening balance	
	Amount	Repayable amount	Increase	Decrease	Amount	Repayable amount
Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city Branch	8.066.818.135	8.066.818.135		4.008.332.830	12.075.150.965	12.075.150.965
<b>Total</b>	<b>8.066.818.135</b>	<b>8.066.818.135</b>		<b>4.008.332.830</b>	<b>12.075.150.965</b>	<b>12.075.150.965</b>

## Details of loans and liabilities at the fiscal year ended as follows:

Number / date of loan Contract	Lenders	Loan term	Interest rate	Closing balance	Form of a loan guarantee
Contract 74/2021/CN.MN-CTTC and Contract 75/2021/CN.MN-CTTC dated November 22nd, 2021	Vietinbank Leasing Co., Ltd - Vietnam Joint Stock Commercial bank for Industry and Trade – Hochiminh city Branch	60 months	8% / year	8.066.818.135	Machinery, equipment are formed from a financial lease contract
<b>Total</b>				<b>8.066.818.135</b>	

## 13.3. Finance lease liabilities

Term	Current year			Previous year		
	Total payment of finance lease liabilities	Payment of interest	Payment of principal	Total payment of finance lease liabilities	Payment of interest	Payment of principal
Under 1 year						
Over 1 year to under 5 years				11.602.379.088	4.584.537.983	7.017.841.105
Over 5 years						

13.4. Overdue borrowings and finance lease liabilities: 29.371.439.620 VND

13.5. Borrowings and finance lease liabilities for related parties:  
Angimex Food Joint Stock Company 14.270.000.000 VND

**14 . PREPAID EXPENSE**

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<b>14.1. Short-term</b>		
- Repair costs		58.010.000
- Tools	7.828.012	2.093.336
- Others	10.215.097	
<b>Total</b>	<b><u>18.043.109</u></b>	<b><u>60.103.336</u></b>
<b>14.2. Long-term</b>		
- Tools	35.579.045	20.199.413
- Site clearance, repair costs	2.678.822.108	2.767.635.824
- Others	130.933.180	604.050.168
<b>Total</b>	<b><u>2.845.334.333</u></b>	<b><u>3.391.885.405</u></b>

**15 . TRADE PAYABLES**

	<u>Closing balance</u>		<u>Opening balance</u>	
	Amount	Payable amount	Amount	Payable amount
<b>15.1. Short-term</b>				
Anh Minh Engineering JSC	4.130.740.800	4.130.740.800	4.130.740.800	4.130.740.800
Dong Thap Agricultural Development Services LLC	2.143.825.369	2.143.825.369	1.869.630.489	1.869.630.489
Others	2.837.690.138	2.837.690.138	3.069.643.140	3.069.643.140
<b>15.2. Trade payables to related parties</b>				
Angimex Dinh Thanh One Member Co., Ltd	29.113.100.919	29.113.100.919	39.828.100.919	39.828.100.919
Dong Thap Food Processing One Member Co., Ltd	93.000.000	93.000.000	118.000.000	118.000.000
Angimex Food Joint Stock Company	27.301.386.363	27.301.386.363	39.468.481.099	39.468.481.099
<b>Total</b>	<b><u>65.619.743.589</u></b>	<b><u>65.619.743.589</u></b>	<b><u>88.484.596.447</u></b>	<b><u>88.484.596.447</u></b>

**16 . ADVANCES FROM CUSTOMERS**

	<u>Closing balance</u>		<u>Opening balance</u>	
	Amount	Payable amount	Amount	Payable amount
<b>Short-term</b>				
Dong Thap Agricultural Development Services LLC	3.489.395.139	3.489.395.139	3.489.395.139	3.489.395.139
Carolina Marketing	1.177.415.750	1.177.415.750	1.177.415.750	1.177.415.750
Isaj Sea Transport Corporation	997.200.854	997.200.854	997.200.854	997.200.854
Others	776.420.183	776.420.183	447.425.591	447.425.591
<b>Total</b>	<b><u>6.440.431.926</u></b>	<b><u>6.440.431.926</u></b>	<b><u>6.111.437.334</u></b>	<b><u>6.111.437.334</u></b>

**17 . TAXES AND OTHER RECEIVABLE AND PAYABLES TO THE STATE BUDGET**

	Opening balance	Payable	Paid	Closing balance
<b>Taxes and other payables to the State budget</b>				
Corporate income tax		23.464.454		23.464.454
Personal income tax	160.479.739	119.917.007	96.571.416	183.825.330
Land rent + Land use tax	1.297.797.193	878.781.565	1.392.228.384	784.350.374
Business license tax		12.000.000	12.000.000	
<b>Total</b>	<b>1.458.276.932</b>	<b>1.034.163.026</b>	<b>1.500.799.800</b>	<b>991.640.158</b>

*Note: The Company's tax settlements are subject to examination by the Tax Authority. Because the application of tax laws and regulation to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the Tax Authority.*

**18 . ACCRUED EXPENSES**

	Closing balance	Opening balance
<b>Short-term</b>		
- Accrued interest expense (*)	242.132.435.655	156.605.865.906
- Other expenses (Board of directors' remuneration)	1.859.401.075	1.734.901.075
<b>Total</b>	<b>243.991.836.730</b>	<b>158.340.766.981</b>
<b>(*) Accrued interest expense as at December 31st, 2025 includes :</b>		
Loan Interest - VND	1.411.027.702	
Loan Interest - USD	21.873.303.712	
Financial Lease Interest	4.238.831.427	
Bond Interest	214.609.272.814	
<b>Total</b>	<b>242.132.435.655</b>	

**19 . OTHER PAYABLES**

	Closing balance	Opening balance
<b>19.1. Short-term</b>		
- Trade union fund	1.780.734.893	1.764.788.893
- Insurance (social, health, unemployment)	102.144.976	
- Other payables (*)	24.313.509.048	24.369.185.052
<b>Total</b>	<b>26.196.388.917</b>	<b>26.133.973.945</b>
<b>19.2. Long-term</b>		
- Long-term deposits received	928.733.802	720.200.000
<b>Total</b>	<b>928.733.802</b>	<b>720.200.000</b>
<b>(*) Other payables as at December 31st, 2025 includes :</b>		
APC Holdings Joint Stock Company	18.269.040.300	18.269.040.300
Payables arising from equitization	2.417.578.793	2.417.578.793
Ms Le Chu Thuy Quyen	2.600.000.000	2.600.000.000
Others	1.026.889.955	1.082.565.959
<b>Total</b>	<b>24.313.509.048</b>	<b>24.369.185.052</b>

**AN GIANG IMPORT-EXPORT COMPANY**

No. 01 Ngo Gia Tu Street, Hamlet 1, Long Xuyen Ward, An Giang Province

**Separate Financial Statements  
For the year ended on December 31st, 2025****20 . OWNERS' EQUITY****20.1. Change in owners' equity**

	<b>Owners' contributed capital</b>	<b>Capital surplus</b>	<b>Treasury shares</b>	<b>Development and investment funds</b>	<b>Undistributed profit after tax</b>	<b>Total</b>
<b>Previous opening balance</b>	<b>182.000.000.000</b>				<b>(265.112.916.686)</b>	<b>(83.112.916.686)</b>
- Increase in capital						
- Profit of the previous year						
- Other increase						
- Profit distribution						
- Loss of the previous year					(226.118.398.962)	(226.118.398.962)
- Other decrease						
<b>Current opening balance</b>	<b>182.000.000.000</b>				<b>(491.231.315.648)</b>	<b>(309.231.315.648)</b>
- Increase in capital						
- Profit of the current year						
- Other increase						
- Profit distribution						
- Loss of the current year					(130.072.334.428)	(130.072.334.428)
- Other decrease						
<b>Current closing balance</b>	<b>182.000.000.000</b>				<b>(621.303.650.076)</b>	<b>(439.303.650.076)</b>

20.2. Details of the owners' capital contribution	Rate	Closing balance	Rate	Opening balance
Contributed capital of Parent Company				
Contributed capital of others	100%	182.000.000.000	100%	182.000.000.000
<b>Total</b>		<b>182.000.000.000</b>		<b>182.000.000.000</b>

- Value of bonds converted into stocks during the year: none

- Number of treasury shares: none

### 20.3. Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Current year	Previous year
- Owners' invested capital		
+ Opening capital	182.000.000.000	182.000.000.000
+ Increase in capital during the fiscal year		
+ Decrease in capital during the fiscal year		
+ Closing capital	182.000.000.000	182.000.000.000
- Dividends or distributed profits		

### 20.4. Shares

	Closing balance	Opening balance
- Number of shares registered for issuance	18.200.000	18.200.000
- Number of shares sold to the public	18.200.000	18.200.000
+ Ordinary shares	18.200.000	18.200.000
+ Preference shares		
- Number of shares repurchased (treasury shares)		
- Number of shares outstanding	18.200.000	18.200.000
+ Ordinary shares	18.200.000	18.200.000
+ Preference shares		

\* Par value of shares outstanding: 10.000 VND/ share

### 20.5. Dividends

	Current year	Previous year
- Declared dividends after the fiscal year-end		
+ Declared dividends on common shares		
+ Declared dividends on preference shares		
- Dividends on accumulated preference shares not recorded		

### 20.6. Funds

	Closing balance	Opening balance
- Development and investment funds		
- Fund for support of arrangement of enterprises		
- Other equity funds		

## 21 . OFF-BALANCE SHEET ITEMS

### Foreign currencies

	Closing balance	Opening balance
- USD	7.203,61	5.996,21
- EUR		

## VI . ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE SEPARATE INCOME STATEMENT

Unit: VND

## 1 . REVENUES FROM SALES AND SERVICES RENDERED

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- Revenues from selling goods	1.405.012.744	93.417.719.030
- Revenues from services rendered	9.565.714.299	19.903.405.748
<b>Total</b>	<b><u>10.970.727.043</u></b>	<b><u>113.321.124.778</u></b>

## 2 . COST OF GOODS SOLD

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- Cost of goods and finished goods sold	1.153.029.604	119.293.740.650
- Cost of services rendered	12.736.297.816	
<b>Total</b>	<b><u>13.889.327.420</u></b>	<b><u>119.293.740.650</u></b>

## 3 . FINANCIAL INCOME

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- Interest from term deposits and loan receivables	101.638.390	155.225.615
- Gains from other financial investment activities	16.731.304.030	10.736.400.000
- Dividends, received profits	1.095.539.600	2.180.301.557
- Gains of realized exchange rate difference	6.618.386	229.143.914
- Others	439.526	
<b>Total</b>	<b><u>17.935.539.932</u></b>	<b><u>13.301.071.086</u></b>

## 4 . FINANCIAL EXPENSES

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- Loan interest expense	86.386.359.910	88.096.760.884
- Losses from liquidating investments		949.103.028
- Losses of realized exchange rate difference	7.721.485.544	
- Losses of unrealized exchange rate difference	1.150.130.918	12.174.198.969
- Provision for devaluation of trading securities and investment losses	39.605.555.074	75.269.664.264
- Others	3.748.051	927.294.360
<b>Total</b>	<b><u>134.867.279.497</u></b>	<b><u>177.417.021.505</u></b>

## 5 . OTHER INCOME

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- Gain on disposal of fixed assets	502.309.984	342.676.862
- Income from the difference resulting from the valuation of capital contributions		14.656.256.092
- Others	1.075.291.928	171.896.105
<b>Total</b>	<b><u>1.577.601.912</u></b>	<b><u>15.170.829.059</u></b>

## 6 . OTHER EXPENSES

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- Tax adjustment	14.463.642	
- Fines including administrative violations	259.978.905	
- Others	2.172.536.768	701.819.379
<b>Total</b>	<b><u>2.446.979.315</u></b>	<b><u>701.819.379</u></b>

**7 . SELLING EXPENSES AND GENERAL ADMINISTRATION EXPENSES**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<b>7.1. Selling expenses</b>		
- Material cost	138.440.152	653.536.532
- Labour costs	14.444.300	1.862.418.980
- Costs of external services	121.211.011	
- Others	530.000	1.034.840.818
<b>Total</b>	<u><b>274.625.463</b></u>	<u><b>3.550.796.330</b></u>

**7.2. General administration expenses**

- Material cost	78.138.537	
- Tools, supplies cost	717.019.483	1.787.513.203
- Labour costs	2.629.995.442	5.163.538.406
- Depreciation	1.968.674.777	1.845.028.754
- Provision for / (Reversal) of provisions	533.220.508	55.459.279.492
- Costs of external services	1.713.976.604	
- Others	1.413.501.815	2.692.686.166
<b>Total</b>	<u><b>9.054.527.166</b></u>	<u><b>66.948.046.021</b></u>

**8 . PRODUCTION AND BUSINESS COSTS BY ELEMENT**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- Material cost	216.578.689	2.441.049.735
- Tools, supplies cost	717.019.483	
- Labour costs	2.644.439.742	7.128.648.986
- Depreciation	14.704.972.593	13.564.360.026
- Costs of external services	1.835.187.615	1.526.433.782
- Other	1.947.252.323	4.419.675.716
<b>Total</b>	<u><b>22.065.450.445</b></u>	<u><b>29.080.168.245</b></u>

**9 . CURRENT INCOME TAX EXPENSES**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
- CIT expenses in respect of the current year taxable profit		
- Adjustment of CIT expenses in the previous years to the current year	23.464.454	
<b>Total</b>	<u><b>23.464.454</b></u>	

**VII . ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE SEPARATE CASH FLOWS STATEMENT****1 . Non-monetary transactions affecting Separate cash flows statement in the future**

In year 2025, the Company did not incur any non-monetary transactions affecting the separate cash flows statement.

**2 . Cash and cash equivalents held by the Company without usage**

As of December 31st, 2025, the company held 3.898.515.683VND and 5.608,77USD in assets that were not in use (frozen to ensure enforcement of judgment).

**3 . Proceeds from borrowings during the fiscal year**

	<u>Current year</u>
Proceeds from ordinary contracts	15.747.928.095
Proceeds from other borrowings	

**4 . Payments on principal during the fiscal year**

	<u>Current year</u>
Payments from ordinary contracts	22.316.466.825
Payments from other borrowings	

## VIII . OTHER INFORMATION

## 1 . Segment reporting

Segment reporting follows service units and business lines

Item	Goods, Finished goods	Service and other	Total
<b>Net revenue</b>	<b>1.405.012.744</b>	<b>9.565.714.299</b>	<b>10.970.727.043</b>
Net revenue from external sales	1.405.012.744	9.565.714.299	10.970.727.043
<b>Direct costs</b>	<b>1.153.029.604</b>	<b>12.736.297.816</b>	<b>13.889.327.420</b>
Cost of goods sold and services to external	1.153.029.604	12.736.297.816	13.889.327.420
<b>Profit from business activities before tax</b>	<b>251.983.140</b>	<b>(3.170.583.517)</b>	<b>(2.918.600.377)</b>
Financial income			17.935.539.932
Financial expenses			134.867.279.497
Selling expenses			274.625.463
General administration expenses			9.054.527.166
Other income			1.577.601.912
Other expenses			2.446.979.315
Current corporate income tax expenses			23.464.454
<b>Profits after corporate income tax</b>			<b>(130.072.334.428)</b>
Total cost of purchasing the assets			
Segment assets			
Allocated segment assets			596.666.211.238
Unallocated segment assets			206.986.746.413
<b>Total assets</b>			<b>803.652.957.651</b>
Segment liabilities			
Allocated segment liabilities			349.698.955.319
Unallocated segment liabilities			893.257.652.408
<b>Total liabilities</b>			<b>1.242.956.607.727</b>

**2 . Information with related parties****2.1. Transactions with key management members**

Key management members and related individuals include: Board of Directors, Audit Committee and Board of Management.

Transactions during the year between the Company and members of key management:

**The expense of Board of Directors, Audit Committee and Board of Management**

<b>Salaries and remuneration</b>	<b>Current year</b>
Mr. Nguyen Hoang Tien	350.008.185
Mr. Luong Duc Tam	216.115.000
Mr. Huynh Thanh Tung	99.796.000
Ms Tran Thi Cam Cham	140.588.500
Mr. Nguyen Nhat Tan	30.236.735
Mr. Tran Minh Trong	38.930.909
<b>Total</b>	<b>875.675.329</b>

**Other transactions :**

<u>Related Parties</u>	<u>Transaction</u>	<u>Amount(VND)</u>
Mr. Huynh Thanh Tung	Transfer of AF capital contribution	1.255.524.000
	Collection of proceeds from the transfer of AF capital contribution	125.552.400
Ms Tran Thi Cam Cham	Transfer of AF capital contribution	1.255.524.000
	Collection of proceeds from the transfer of AF capital contribution	125.552.400
Mr. Nguyen Hoang Tien	Advance	5.033.636.952
	Refund advance	4.988.927.218

At the end of the fiscal year, balances with key management members is :

<u>Related Parties</u>	<u>Item</u>	<u>Closing balance</u>
Mr. Huynh Thanh Tung	Trade receivables	1.129.971.600
Ms Tran Thi Cam Cham	Trade receivables	1.129.971.600
Mr. Nguyen Hoang Tien	Advance	44.709.734

**2.2. Transactions with other individual related parties: none****2.3. Transactions with related parties are organizations**

<u>Related Parties</u>	<u>Relationship</u>	<u>Capital ownership</u>
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	Subsidiaries	100,00%
Angimex Dinh Thanh One Member Limited Liability Company	Indirect Subsidiary Company	100,00%
Angimex Food Processing Dong Thap Limited Liability Company	Indirect Subsidiary Company	100,00%
Angimex - Kitoku Co., Ltd	Associates	32,96%
Golden Paddy Joint Stock Company	Associates	29,55%
Louis Angimex Trading Co., Ltd	Associates	49,00%
Angimex Furious Co., Ltd	Associates	49,00%
Angimex Food Joint Stock Company	Associates	60,00%
An Truong An Joint Stock Company	Organization related to an insider	0,00%
GKM Holdings Joint Stock Company	Organization related to an insider	0,00%
Saigon An Giang Trading LLC	Other investments	

Transactions during the year between the Company and related parties as follow :

Related parties	Transaction	Amount (VND)
Angimex Furious Co., Ltd	Selling goods and services	3.000.000.000
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	Collecting - transferring money	5.000.000
Angimex - Kitoku Co., Ltd	Selling goods and services	769.954.680
	Dividends received	1.095.539.600
Angimex Dinh Thanh One Member Limited Liability Company	Selling goods and services	210.000.000
Angimex Food Co., Ltd	Divestment	100.350.434.397
Angimex Food Joint Stock Company	Selling goods and services	1.401.232.392
	Purchasing goods and services	1.182.450.000
	Interest expense	1.234.734.247
	Receive loan	14.270.000.000
An Truong An Joint Stock Company	Payment for construction contract	237.164.908
Saigon An Giang Trading LLC	Divestment	6.131.800.000

At the end of the fiscal year, balances with related parties are:

Related Parties	Item	Closing balance
Angimex Furious Co., Ltd	Trade receivables	1.921.763.953
Angimex Food Processing One Member Co., Ltd	Advances to suppliers	39.695.459.874
	Other receivables	5.138.810
Angimex Dinh Thanh One Member Limited Liability Company	Trade receivables	231.000.000
	Trade payables	29.113.100.919
Angimex Food Processing Dong Thap Limited Liability Company	Trade payables	93.000.000
Angimex Food Joint Stock Company	Trade payables	27.301.386.363
	Short-term loans	14.270.000.000
An Truong An Joint Stock Company	Advances to suppliers	474.329.817

### 3 . Going-concern assumption

#### a . Financing:

As at 31/12/2025, the financial position of the Company has the following points that has to be notice:

Current assets	125.005.412.137
Short-term liabilities, in which:	1.233.961.055.790
Overdue bank loans	280.960.032.828
Overdue bonds	560.001.000.000
Financial lease debt due for payment	29.371.439.620
Contributed capital	182.000.000.000
Accumulated losses	(621.303.650.076)

- Therefore, the Short-term liabilities of the Company in excess of the Current assets of the Company is 1.108.955.643.653 VND shows that the Company's solvency is limited;
- With bank loans becoming overdue, the company was forced to sell the collateral to repay the overdue bank debts;
- The bonds are overdue, but the company has not yet come up with a concrete plan to handle them;
- The accumulated losses exceeded the equity capital by 439.303.650.076 VND;
- There was no significant decline in the value of the assets;
- There are significant outstanding debts and receivables.

#### b . Operating:

- Board of Management intend to cease operations or to dissolve : none.
- Lack of key management that can not be replaced : none.

- Losing a large market, key customers, business rights, franchise rights, or important suppliers: the main business activity must shift from commercial services to leasing premises;

- Lack of main input material : none.

**c . Others:**

- Do not comply regulations on capital contribution : none.

- Being sued, if lose, can not irreparable : none.

- Change in law and policies that have an adverse effect to company : none.

- Occurrence of risks, losses that are not insured or insured with a low value: none.

Based on the above data, the Company's Board of Management has decided that the Company's separate financial statements for 2025 will still be prepared on the basis that the Company will continue to operate for the next 12 months.

**4 . Comparative figures**


The comparative figures are those taken from the separate financial statement for the fiscal year as at December 31st, 2024 which were audited by AFC Vietnam Auditing Company Limited.

**Prepared by**



**LE HUYNH TUYET NHI**

**Chief Accountant**



**TRAN MINH TRONG**

*Prepared on March 04th, 2026*

**Chairman**



**LUONG DUC TAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG  
AN GIANG IMPORT EXPORT  
COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 121/XNK-TCKT

An Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2026  
An Giang, 12 March 2026

(V/v Giải trình lợi nhuận năm 2025 đã kiểm toán so với lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán – Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và Giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán/ Re: Explanation of the audited profit in 2025 compared to the audited profit in 2024 – Explanation of the variance between profit before and after audit and explanation of the auditor's opinion.)

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (“Angimex”) xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 và giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán như sau/Angiang Import Export Company (“Angimex”) would like to provide explanations regarding the variance in profit after corporate income tax for 2025 and the auditor's opinion as follows:

**I. Giải trình Lợi nhuận năm 2025 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2024 đã kiểm toán/Explanation of the audited profit in 2025 compared to the audited profit in 2024:**

**1. Đối với BCTC riêng lẻ/For the separate financial statements:**

Trong năm 2025, Công ty tập chung chính vào mục tiêu cơ cấu nợ, chuyển đổi hoạt động chính từ thương mại dịch vụ sang cho thuê tài sản (Nhà máy, mặt bằng...) nên doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ, doanh thu thuần giảm 102.350 triệu đồng, tương ứng giảm 90% so với cùng kỳ. Mặc dù chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhiều so với cùng kỳ. Thế nhưng Công ty vẫn gánh các khoản định phí như chi phí lãi vay, khấu hao, ... vẫn ở mức cao. Đây là nguyên nhân chính làm Kết quả kinh doanh trong năm 2025 của Công ty bị lỗ 130.072 triệu đồng./In 2025, the Company mainly focused on debt restructuring and transforming its core business from trading and services to asset leasing (factories, premises, etc.). As a result, revenue decreased significantly compared to the same period last year, with net revenue decreasing by VND 102,350 million, equivalent to a 90% decline year-on-year. Although financial expenses, selling expenses, and administrative expenses decreased considerably compared to the same period, the Company still had to bear fixed costs such as interest expenses and depreciation, which remained at a high level. This was the main reason why the Company recorded a loss of VND 130,072 million in 2025.

**2. Đối với BCTC hợp nhất/For the consolidated financial statements:**

Trong năm 2025, Công ty không còn hợp nhất doanh thu từ các công ty con đã thoái vốn cùng với chuyển đổi hoạt động chính từ thương mại dịch vụ sang cho thuê tài sản (Nhà máy, mặt bằng...) nên doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ, doanh thu thuần giảm 219.417 triệu đồng, tương ứng giảm 91% so với cùng kỳ. Tương tự như báo cáo riêng, trong năm 2025 chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và phân lỗ từ Công ty liên doanh liên kết giảm nhiều so với cùng kỳ. Thế nhưng Công ty vẫn gánh các khoản định phí như chi phí lãi vay, khấu hao, ... vẫn ở mức cao. Đây là nguyên nhân chính làm Kết quả kinh doanh trong năm 2025 của Công ty bị lỗ 104.670 triệu đồng. /In 2025, the Company no longer consolidated revenue from subsidiaries that had been divested. In addition, the Company shifted its core business from trading and services to asset leasing (factories, premises, etc.), resulting in a significant decline in revenue compared to the same period last year. Net revenue decreased by VND 219,417 million, equivalent to a 91% decrease year-on-year. Similar to the separate financial statements, in 2025 selling expenses, administrative expenses, and the share of losses from associates and joint ventures decreased significantly compared to the same period. However, the Company still

had to bear fixed costs such as interest expenses and depreciation, which remained at a high level. This was the main reason why the Company recorded a loss of VND 104,670 million in 2025.

Đơn vị tính: Triệu đồng/

Unit: VND million

Chỉ tiêu/Indicators	BCTC riêng/Separate Financial Statements				BCTC HN/Consolidated Financial Statements			
	2025	2024	Chênh lệch/ Variance	%	2025	2024	Chênh lệch/ Variance	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ/Net revenue from sales and services	10.971	113.321	(102.350)	(90%)	21.503	240.920	(219.417)	(91%)
Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	13.889	119.294	(105.404)	(88%)	33.144	249.218	(216.074)	(87%)
Lợi nhuận gộp/Gross profit	(2.919)	(5.973)	3.054	(51%)	(11.641)	(8.298)	(3.343)	40%
Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	17.936	13.301	4.634	35%	17.936	9.197	8.739	95%
Chi phí tài chính/Financial expenses	134.867	177.417	(42.550)	(24%)	88.578	107.287	(18.709)	(17%)
Trong đó: chi phí lãi vay/Of which: interest expenses	86.386	88.097	(1.710)	(2%)	86.713	93.173	(6.461)	(7%)
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK/Share of profit/loss from joint ventures and associates	00	00	00	-	(4.357)	(18.670)	14.313	(77%)
Chi phí bán hàng/Selling expenses	275	3.551	(3.276)	(92%)	279	6.952	(6.672)	(96%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp/General and administrative expenses	9.055	66.948	(57.894)	(86%)	20.071	128.367	(108.296)	(84%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from operating activities	(129.179)	(240.587)	111.408	(46%)	(106.990)	(260.377)	153.387	(59%)
Lợi nhuận khác/Other profit	(869)	14.469	(15.338)	(106%)	2.344	582	1.762	303%
Tổng lợi nhuận trước thuế/Total profit before tax	(130.049)	(226.118)	96.070	(42%)	(104.646)	(259.795)	155.148	(60%)
Thuế TNDN/Corporate income tax	23	00	23		23	00	23	
Lợi nhuận sau thuế TNDN/Profit after corporate income tax	(130.072)	(226.118)	96.046	(42%)	(104.670)	(259.795)	155.125	(60%)

## II. Giải trình chênh lệch KQKD năm 2025 trước và sau kiểm toán/Explanation of the variance in operating results for 2025 before and after the audit:

### 1. Đối với BCTC riêng lẻ/For the separate financial statements:

Lợi nhuận năm 2025 chênh lệch trước và sau kiểm toán lỗ tăng thêm 1.850 triệu đồng chủ yếu là do/The profit for 2025 shows a variance between the figures before and after the audit, with the loss increasing by VND 1,850 million, mainly due to the following reason:

- Chi phí khác đã kiểm toán có thay đổi so với báo cáo tự lập dẫn đến lợi nhuận khác có sự chênh lệch 1.826 triệu đồng tương đương 190% so với báo cáo trước kiểm toán nên Lợi nhuận của Công ty lỗ tăng thêm/Other expenses in the audited financial statements were adjusted compared to the Company's self-prepared financial statements, resulting in a variance in other profit of VND 1,826 million, equivalent to 190% compared to the pre-audit report, thereby increasing the Company's loss.

### 2. Đối với BCTC hợp nhất/For the consolidated financial statements:

Doanh thu, lợi nhuận năm 2025 chênh lệch trước và sau kiểm toán chủ yếu là do/The variance in revenue and profit for 2025 before and after the audit was mainly due to the following reasons:

- Trong năm 2025, Công ty không còn hợp nhất doanh thu từ công ty con đã thoái vốn/ In 2025, the Company no longer consolidated revenue from subsidiaries that had been divested.
- Báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên doanh liên kết đã kiểm toán có thay đổi so với báo cáo tự lập dẫn đến chênh lệch lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán/The audited financial statements of subsidiaries and associates/joint ventures were adjusted compared to the self-prepared financial statements, resulting in a variance in profit from operating activities between the pre-audit and post-audit figures.

Đơn vị tính: Triệu đồng/

Unit: VND million

Chỉ tiêu/ Indicators	BCTC riêng 2025/Separate Financial Statements 2025				BCTC HN 2025/Consolidated Financial Statements 2025			
	Trước kiểm toán/ Before audit	Đã kiểm toán/ Audited	Chênh lệch/ Variance	%	Trước kiểm toán/ Before audit	Đã kiểm toán/ Audited	Chênh lệch/ Variance	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ/Net revenue from sales and services	10.971	10.971	00	0%	37.264	21.503	(15.761)	(42%)
Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	13.889	13.889	00	0%	42.624	33.144	(9.480)	(22%)
Lợi nhuận gộp/Gross profit	(2.919)	(2.919)	00	0%	(5.360)	(11.641)	(6.280)	117%
Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	17.936	17.936	00	0%	17.060	17.936	876	5%
Chi phí tài chính/Financial expenses	134.867	134.867	00	0%	95.836	88.578	(7.258)	(8%)
Trong đó: chi phí lãi vay/Of which: interest expenses	86.382	86.386	4	0%	86.956	86.713	(244)	(0,3%)
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK/Share of profit/loss from joint ventures and associates	00	00	00		(3.080)	(4.357)	(1.277)	41%
Chi phí bán hàng/Selling expenses	275	275	00	0%	932	279	(652)	(70%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp/General and administrative expenses	9.064	9.055	(10)	0,1%	24.287	20.071	(4.216)	(17%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from operating activities	(129.189)	(129.179)	10	(4%)	(112.434)	(106.990)	5.444	(5%)
Lợi nhuận khác/Other profit	967	(869)	(1.836)	(190%)	(24.949)	2.344	27.292	(109%)
Tổng lợi nhuận trước thuế/Total profit before tax	(128.222)	(130.049)	(1.826)	1%	(137.383)	(104.646)	32.737	(24%)
Thuế TNDN/Corporate income tax	-	23	23	-	-	23	23	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN/Profit after corporate income tax	(128.222)	(130.072)	(1.850)	1%	(137.383)	(104.670)	32.714	(24%)

### III. Giải trình ý kiến kiểm toán/Explanation of the auditor's opinion:

#### 1. Báo cáo tài chính riêng/Separate financial statements:

##### 1.1 Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ/Basis for the qualified audit opinion:

###### Ý kiến của Công ty kiểm toán/Auditor's opinion:

Đến ngày phát hành báo cáo này, công nợ chưa được xác nhận với số tiền như sau như sau/As of the issuance date of this report, the outstanding balances that have not yet been confirmed are as follows:

Khoản mục/Item	VND
Phải thu khách hàng: Accounts receivable from customers	138.286.788.242
Trả trước cho người bán: Advance payments to suppliers	43.486.713.532
Phải thu khác: Other receivables	6.967.211.765
Phải trả người bán: Accounts payable to suppliers	9.032.119.795
Người mua trả tiền trước: Advances from customers	3.820.505.451
Phải trả khác: Other payables	21.895.930.255
Nhận ký quỹ ký cược: Deposits received	418.733.802

**Giải trình của Angimex:** Các khách hàng này đã tạm ngừng kinh doanh, đổi địa chỉ kinh doanh hoặc địa chỉ không rõ ràng,... dẫn đến không liên lạc được. Mặc dù Angimex đã cố gắng gửi hồ sơ đối chiếu công nợ cho khách hàng. Tuy nhiên vẫn không nhận được thư xác nhận số dư công nợ/**Angimex's explanation:** These customers have suspended their business operations, changed their business addresses, or their addresses are unclear, resulting in Angimex being unable to contact them. Although Angimex has attempted to send debt reconciliation documents to these customers, the Company has not received any confirmation letters for the outstanding balances.

##### 1.2 Vấn đề cần nhấn mạnh/Matter of Emphasis:

###### Ý kiến của Công ty kiểm toán/Auditor's opinion:

"Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 "Thông tin về hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 là 621.303.650.076 VND đã vượt vốn góp của chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu; Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản 493.303.650.076 VND, như vậy Công ty có khả năng lâm vào tình trạng phá sản; Nợ phải trả ngắn hạn lớn Tài sản ngắn hạn là 1.108.955.643.653 VND, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không đảm bảo. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới với sự hỗ trợ tài chính từ chủ nợ, do đó Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục"/"We draw the reader's attention to Note VIII.3 'Information on Going Concern' in the financial statements. As at 31 December 2025, the Company's accumulated losses amounted to VND 621,303,650,076, which have exceeded the contributed capital of the owners and the Company's equity. Total liabilities exceeded total assets by VND 493,303,650,076, indicating that the Company may be exposed to the

risk of bankruptcy. In addition, current liabilities exceeded current assets by VND 1,108,955,643,653, indicating that the Company's ability to meet its short-term obligations is not assured. These conditions, together with other matters described in Note VIII.3, indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern. However, the Company's Management believes that the Company's business performance will improve in the coming period with financial support from creditors. Therefore, the Company's financial statements have been prepared on a going concern basis as determined by the Board of Management."

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đã thực hiện thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết trong năm 2026. Đồng thời Nhóm Công ty đang lên kế hoạch huy động vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động và lên phương án xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Dựa trên cơ sở này, Nhóm Công ty dự kiến có thể hoàn trả các khoản nợ và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo nên Công ty tiến hành lập báo cáo trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục./**Angimex's explanation:** The Group has carried out the liquidation of certain assets and divested its investments in several subsidiaries and associates during 2026. At the same time, the Group is planning to raise capital from credit institutions or through a private placement of shares to supplement working capital, as well as develop a plan to handle the bond obligations as at the time of preparing the 2025 financial statements. Based on this basis, the Group expects that it will be able to repay its liabilities and continue its operations in the next accounting period; therefore, the financial statements have been prepared on a going concern basis.

"*Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ vay ngân hàng đã quá hạn thanh toán trên 1 năm được trình bày trên Báo cáo tài chính với số tiền là 271.450.032.818 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này*" / "As disclosed in Note V.13, the Company currently has bank borrowings that have been overdue for more than one year, which are presented in the financial statements with a total amount of VND 271,450,032,818. The Company has not yet identified a financial source to settle these debts on schedule."

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/**Angimex's explanation:** The Group is currently coordinating with the Bank to handle the pledged assets in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.

"*Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ dài hạn đến hạn trả đã quá hạn thanh toán trên 1 năm : Nợ thuê tài chính và Nợ trái phiếu với giá trị lần lượt là 25.363.106.790 VND và 560.001.000.000 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này*" / "As disclosed in Note V.13, the Company currently has long-term liabilities due within one year that have been overdue for more than one year, including finance lease liabilities and bond payables, with amounts of VND 25,363,106,790 and VND 560,001,000,000, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due."

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đang trong quá trình thanh lý tài sản đảm bảo cho hai gói Trái phiếu AGMH2123001 và AGMH2223001 và đang lên kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ để xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Đối với nợ thuê tài chính Nhóm Công ty Thực hiện phối hợp với Vietinbank Leasing trong việc bàn giao và tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng các tài sản thuê tài chính để thanh toán nghĩa vụ nợ cho Vietinbank Leasing theo các hợp đồng thuê tài chính đã ký kết theo quy định của pháp luật/**Angimex's explanation:** The Group is currently in the process of liquidating the collateral assets for the two bond packages AGMH2123001 and AGMH2223001, and is planning a private placement of shares to address the bond

obligations as at the time of preparing the 2025 financial statements. For the finance lease liabilities, the Group is coordinating with Vietinbank Leasing to hand over and seek potential transferees for the finance lease assets in order to settle the outstanding obligations to Vietinbank Leasing in accordance with the signed finance lease agreements and applicable laws and regulations.

“Tại Thuyết minh V.18, Công ty hiện đang có các khoản nợ Lãi vay đã quá hạn 1 năm : Lãi vay ngân hàng, Lãi thuê tài chính và Lãi trái phiếu với giá trị lần lượt là 23.284.331.414 VND, 4.238.831.427 VND và 214.609.272.814 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này”/“As disclosed in Note V.18, the Company currently has overdue interest liabilities for more than one year, including bank loan interest, finance lease interest, and bond interest, with amounts of VND 23,284,331,414; VND 4,238,831,427; and VND 214,609,272,814, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due.”

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/**Explanation by Angimex:** The Group is currently coordinating with the Bank to handle the collateral assets in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.

## 2. Báo cáo tài chính hợp nhất/Consolidated Financial Statements:

### 2.1 Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ/Basis for Qualified Opinion:

#### Ý kiến của Công ty kiểm toán/Auditor's Opinion:

Đến ngày phát hành báo cáo này, công nợ chưa được xác nhận với số tiền như sau như sau/As of the date of issuance of this report, the following outstanding balances have not yet been confirmed:

Khoản mục/Item	VNĐ
Phải thu khách hàng: Trade receivables	172.099.829.729
Trả trước cho người bán: Advances to suppliers	140.894.971.033
Phải thu khác: Other receivables	40.715.994.164
Phải trả người bán: Trade payables	16.444.149.897
Người mua trả tiền trước: Advances from customers	66.864.365.451
Phải trả khác: Other payables	22.180.930.255
Nhận ký quỹ ký cược: Deposits received	418.733.802

**Giải trình của Angimex:** Các khách hàng này đã tạm ngừng kinh doanh, đổi địa chỉ kinh doanh hoặc địa chỉ không rõ ràng,... dẫn đến không liên lạc được. Mặc dù Angimex đã cố gắng gửi hồ sơ đối chiếu công nợ cho khách hàng. Tuy nhiên vẫn không nhận được thư xác nhận số dư công nợ/**Explanation by Angimex:** These customers have temporarily ceased operations, changed their business addresses, or have unclear addresses, resulting in the Company being unable to contact them. Although Angimex has attempted to send debt confirmation documents to these customers, the Company has not yet received confirmation letters of the outstanding balances.

## 2.2 Vấn đề cần nhấn mạnh/*Emphasis of Matter*

### Ý kiến của Công ty kiểm toán/*Auditor's Opinion:*

“Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 “Thông tin về hoạt động liên tục” trong báo cáo tài chính hợp nhất về số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 là 522.195.073.088 VND đã vượt vốn góp của chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu; Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản 340.195.073.088 VND, như vậy Công ty có khả năng lâm vào tình trạng phá sản; Nợ phải trả ngắn hạn lớn Tài sản ngắn hạn là 1.115.584.613.027 VND, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không đảm bảo. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới với sự hỗ trợ tài chính từ chủ nợ, do đó Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục”/“We would like to draw the readers’ attention to Note VIII.3 ‘Going Concern Information’ in the consolidated financial statements regarding the accumulated loss as of 31 December 2025 amounting to VND 522,195,073,088, which has exceeded the owners’ contributed capital and equity. Total liabilities exceed total assets by VND 340,195,073,088, indicating that the Company may face the risk of bankruptcy. Short-term liabilities exceed short-term assets by VND 1,115,584,613,027, indicating that the Company’s ability to settle its short-term obligations is not assured. These conditions, together with other matters described in Note VIII.3, indicate the existence of a material uncertainty that may cast significant doubt on the Company’s ability to continue as a going concern. However, the Company’s management believes in the Company’s future business performance with financial support from creditors. Therefore, the Company’s financial statements continue to be prepared by the Board of Management on a going concern basis.”

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đã thực hiện thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết trong năm 2026. Đồng thời Nhóm Công ty đang lên kế hoạch huy động vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động và lên phương án xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Dựa trên cơ sở này, Nhóm Công ty dự kiến có thể hoàn trả các khoản nợ và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo nên Công ty tiến hành lập báo cáo trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục/**Explanation by Angimex:** During 2026, the Group has carried out the liquidation of certain assets and divested its investments in several subsidiaries as well as joint ventures and associates. At the same time, the Group is planning to mobilize capital from credit institutions or conduct a private share placement to supplement working capital and to develop a plan to settle the outstanding bond obligations as of the time of preparing the 2025 financial statements. Based on these plans, the Group expects that it will be able to repay its debts and continue its operations in the next accounting period. Accordingly, the financial statements have been prepared on the basis that the going concern assumption is appropriate.

“Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ vay ngân hàng đã quá hạn thanh toán trên 1 năm được trình bày trên Báo cáo tài chính với số tiền là 271.450.032.818 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này”/ “As disclosed in Note V.13, the Company currently has bank loans that have been overdue for more than one year, which are presented in the financial statements with an amount of VND 271,450,032,818. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due.”

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/**Angimex’s explanation:** The Group is currently coordinating with the Bank to handle the collateral in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.

“Tại Thuyết minh V.13, Công ty hiện đang có các khoản Nợ dài hạn đến hạn trả đã quá hạn thanh toán trên 1 năm : Nợ thuê tài chính và Nợ trái phiếu với giá trị lần lượt là 25.363.106.790 VND và 560.001.000.000 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này”/“As disclosed in Note V.13, the Company currently has long-term debts that have

become due but have been overdue for more than one year, including finance lease liabilities and bond payables with amounts of VND 25,363,106,790 and VND 560,001,000,000, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due.”

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đang trong quá trình thanh lý tài sản đảm bảo cho hai gói Trái phiếu AGMH2123001 và AGMH2223001 và đang lên kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ để xử lý nợ gói trái phiếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2025. Đối với nợ thuê tài chính Nhóm Công ty Thực hiện phối hợp với Vietinbank Leasing trong việc bàn giao và tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng các tài sản thuê tài chính để thanh toán nghĩa vụ nợ cho Vietinbank Leasing theo các hợp đồng thuê tài chính đã ký kết theo quy định của pháp luật/**Angimex’s explanation:** The Group is currently in the process of liquidating the collateral for the two bond issuances AGMH2123001 and AGMH2223001, and is also planning a private share placement to address the bond obligations as at the time of preparing the 2025 financial statements. For finance lease liabilities, the Group is coordinating with Vietinbank Leasing to hand over and seek potential partners to take over the finance lease assets in order to settle the debt obligations to Vietinbank Leasing in accordance with the finance lease agreements signed and in compliance with applicable laws and regulations.

“Tại Thuyết minh V.18, Công ty hiện đang có các khoản nợ Lãi vay đã quá hạn 1 năm : Lãi vay ngân hàng, Lãi thuê tài chính và Lãi trái phiếu với giá trị lần lượt là 23.284.331.414 VND, 4.238.831.427 VND và 214.609.272.814 VND. Hiện Công ty chưa tìm được nguồn tài chính để thanh toán đúng hạn các khoản nợ này”/“As disclosed in Note V.18, the Company currently has overdue interest payables that have been outstanding for more than one year, including bank loan interest, finance lease interest, and bond interest with amounts of VND 23,284,331,414; VND 4,238,831,427; and VND 214,609,272,814, respectively. The Company has not yet identified a financial source to settle these obligations when due.”

**Giải trình của Angimex:** Nhóm Công ty đang trong quá trình phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng và theo qui định pháp luật/**Angimex’s explanation:** The Group is currently coordinating with the Bank to handle the collateral in accordance with the terms of the mortgage agreements signed with the Bank and in compliance with applicable laws and regulations.

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết/  
Respectfully submitted to the State Securities Commission of Vietnam and the Hanoi Stock Exchange for your information.

Trân trọng kính chào/ Yours sincerely./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
CHỦ TỊCH HĐQT  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



LƯƠNG ĐỨC TÂM

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/As above;
  - Lưu/Filed at: VT/Archives,
- Người được UQ CBTT/Person  
Authorized to Disclose  
Information.